



Chuyện Kể Sau 40 Năm

Khánh Ly

1.

Đó là năm 1964, tôi và các con đang ở thành phố Dalat. Tôi vừa 18 tuổi, hai con, một gái, một trai. Ba mẹ con sống với nhau hồn nhiên như cây cỏ trong ngôi nhà hai tầng rộng lớn vắng người, trên một đồi mà người ở đó gọi là đồi Miên – tên ông nội hai đứa nhỏ. Nhà không cổng ngõ, không hàng rào, đồi rộng thênh thang, từ hông nhà ngó xuống, là một thung lũng nhỏ xanh rì, nhìn mông ra xa thấp thoáng đầu đỏ màu đỏ của ngôi bên cạnh những vườn trồng rau quả xanh ngắt, tiếp với màu của lá cỏ. Nổi lên trên màu xanh mượt mà như tấm áo dạ hội bằng nhung, tôi có thể biết được đó là những vườn hoa.

Thuở đó, Dalat đẹp lắm. Người ta bảo Dalat đẹp bởi có 4 mùa giống như Hà Nội nên con gái Dalat tuy ít người xuất sắc nhưng ai nấy đều xinh xắn với nước da trắng hồng, mái tóc đen dày óng mượt. Tất cả đều vô tư, hồn nhiên và hiền lành. Các bà bán hàng trong chợ, dù là bán mắm cá, cũng mặc áo dài, bán đậu hủ rong cũng áo dài, bán ngô nướng lúc nửa khuya, bán mì Quảng, xôi gà cũng áo dài, hai má cứ ửng hồng lên bên cạnh bếp lửa.

Dalat có 4 mùa nhưng mùa nào cũng mát vào ban ngày, lạnh về đêm, chính thế, người ta mới thú vị khi cầm cái ngô nướng thoa mỡ hành còn nóng hổi, người ta mới cảm thấy cái nhẹ nhõm khi bước ra từ những phòng tắm nước nóng, xê xê rạp ciné Ngọc Hiệp. Bước qua bên kia đường, người ta có thể ghé vào tiệm cháo vịt, tiết canh vịt, gỏi vịt và ngay bên hông tiệm thịt vịt, cái quán mì Quảng nhỏ xíu, mái che là một vài tấm ván ép ghép với 4 cái ghế. Hai vợ chồng người bán mì Quảng tay thoăn thoắt đơm bún, chan nước hay dọn dẹp cái mặt bàn cũng chỉ là một tấm gỗ dài. Người bán vui cười nhìn khách xuýt xoa ăn trong cái nóng của bún, cái lạnh của con phố về khuya, vắng người.

Điều chắc chắn phải nói là người Dalat hiền. Hiền như nước mưa, nước suối. Hiền như cây trái tốt tươi. Hiền như hoa như gió. Như tiếng chuông reo bốn mùa. Hiền như bãi xe lam dăm ba chiếc im lìm nơi bến đậu. Hiền như những cơn mưa bất ngờ bay nghiêng qua thành phố, không hề làm rối chân khách bộ hành. Những con đường vắng lặng. Những ngôi biệt thự nằm xa nhau, không tường bao bọc, chỉ có hoa và hoa dưới những cây thông rải rác, tường như mọc vô tình không người săn sóc. Ấy thế mà trong cái vô tình gần như hoang dã ấy, luôn có những lúc rộ lên tiếng cười rộn ràng ngân thơ. Đời sống đẹp và đáng sống biết bao nhiêu.

Trước đó 2 năm, nói chính xác là vào tháng 11 năm 1962, khi tôi lên Dalat tìm sống, cùng đi trên chuyến xe đò Minh Trung với tôi, là chị Ngân Hà, một ca sĩ đẹp và được biết đến, không hiểu vì sao chị bỏ Sài Gòn ra đi. Lúc đó, người ta chưa nói đến chiến tranh. Sài Gòn đất rộng, người ít. Đời sống dễ dàng, người dân miền Nam chơn chất như ngọn lúa đồng bằng, cá tôm sông lạch, con đường Tự Do, sáng, trưa, chiều, tối chỉ khoảng trên một chục khách bộ hành, xích lô vài chiếc thông thả đạp như thi sĩ thơ thần tìm nàng thơ. Taxi cũng thỉnh thoảng ghé qua đỡ người xuống. Hình như Sài Gòn rất bằng lòng với nhịp sống thông thả, nhàn hạ. Thói quen của miền Nam trù phú đặng đâu cũng có cái ăn.

Tôi nhận lời lên hát cho Night Club ở Dalat với giá 2500 đồng một tháng, có cơm hai bữa và ngủ chung với các chị ở vũ trường, nếu không muốn về nhà. Kể ra thì không nhiều nhưng cũng chẳng hẹp gì lúc đó, lương Trung Úy cũng chỉ được như thế thôi. Ông bà nội của hai đứa nhỏ ở đó, tôi có cả nguyên một tầng dưới rộng thênh thang. Hình như đây là kiểu nhà sàn lúc khởi thủy cất lên, nhưng rồi sẵn cột, xây thêm thành nhà hai tầng, chưa kể chung quanh đất trống, không trồng trọt gì ngoài mấy cây ổi, mấy giàn xu. Bên nội dường như chẳng ai để ý gì đến mấy mẹ con tôi ngoài chị Lê Quyên. Vài tháng sau, tiền lương được tăng, tôi tìm một người giữ con và ngày ngày nhảy xe lam, xe đò ra chợ Dalat.

Từ ngày di cư vào Nam, dẫu mới có 10 tuổi, tôi phải trông em, giặt quần áo, đi chợ rồi mới đi học. Mấy anh chị em chúng tôi sần sần tuổi nhau nhưng lại chẳng bao giờ có thì giờ hay có chuyện gì để chia sẻ với nhau. Nói tóm lại, tuổi thơ của tôi hoàn toàn mờ nhạt, không có gì đáng ghi nhớ trong sinh hoạt gia đình, ngoại trừ ông bố đêm nào cũng say rượu và bà mẹ hết ca cẩm chồng đến mắng chửi con. Dalat chính là khoảng trời tôi mơ ước, tưởng chừng như cuộc sống ngừng lại ở đó... Nhưng không. Cuộc đời tôi bắt đầu. Từ đó, ở đó.

Vũ trường Night Club dọn ra hôtêl Du Parc, cạnh Nhà Thờ Chánh Toà, Bưu điện và đài phát thanh Dalat. Bà chủ vũ trường là một người Việt Hoa, có một đứa con lai không biết lai gì, khoảng 6, 7 tuổi. Bà mượn một căn phòng ngay bên kia đường cho các chị vũ nữ ở, có người nấu cơm. Tôi thường ngủ lại đây vì khuya chẳng có ai đưa tôi về tận Chi Lăng. Trong căn nhà nhỏ này, tuyệt không có bóng dáng một người đàn ông, thế nên tôi thích ngủ lại để sáng hôm sau đi chợ rồi mới về nhà, mang đồ ăn, bánh kẹo và chơi với con rồi chiều tối, lại đi xe lam đến Vũ Trường. Căn phố đó nằm cạnh quán café Myosotis, không biết bây giờ có còn không.

Night Club là Vũ Trường duy nhất ở Dalat. Với khí hậu lạnh lạnh về đêm là nơi giải trí lý tưởng của thành phố du lịch, vậy mà khách khứa cũng không có bao nhiêu. Lính Mỹ, cấp cổ vấn, mới được vào thị xã chơi chứ những cậu học trò vừa mới hết Trung Học, rời gia đình đến một đất nước xa lạ, nên có vẻ sợ sệt. Người của thành phố, muốn đi, sợ gặp người quen, khó chối tội với vợ, thế nên ban nhạc đêm đêm cứ chơi những bản nhạc trữ tình, chúng tôi vẫn hát, các chị ngồi uống nước tán gẫu hoặc nhảy với nhau. Mỗi đêm vài ba bàn khách. Mọi người bình thần nhìn nhau, chờ ngày cuối tuần. Có những đêm Vũ Trường gần đóng cửa, một băng Không Quân áo bay đen khăn quàng cổ màu tím hoa cà, bất ngờ xuất hiện đứng thành một hàng dài nơi cửa. Nhà hàng không chạy lại đón khách. Chúng tôi không ai ngạc nhiên. Chuyện này xảy ra thường. Tôi lặng lẽ lên sân khấu, ban nhạc hiểu ý chơi bài "Gửi gió cho mây ngàn bay". Tôi hát xong, những chiếc khăn quàng màu tím hoa cà lặng lẽ quay ra, đi vào đêm tối, nơi các anh từ đó bước ra. Không bao giờ hỏi nhưng tôi biết một phi vụ vừa hoàn tất.

Những đêm trời lạnh, mưa rất nhẹ, không gì thú vị hơn ngồi hát hay nghe một tình khúc Tiền Chiến. Những người lính Mỹ non trẻ kia đang miệt mài bước nhảy, cố quên đi nỗi buồn xa nhà, nỗi lo sợ súng đạn trên mảnh đất mà họ không bao giờ hiểu được vì sao họ đến đây. Họ lại càng không hiểu ý nghĩa của khúc hát kia. Chỉ biết trong đêm lạnh, khúc hát buồn, tiếng hát còn non trẻ với những ước mơ chưa thành hình và nỗi lòng khắc khoải của kẻ xa nhà quán quít lấy nhau ầm áp chia sẻ đến không ngờ. Nhiều năm sau, nếu những người lính ấy còn sống mà trở về, chắc chẳng bao giờ họ nghĩ đến cái vũ trường xưa, nơi thành phố có những cơn mưa bất ngờ nghiêng nghiêng bay trên con phố vắng người vào những đêm gió lạnh. Cũng có thể họ đã không bao giờ trở về để mà nhớ.

Tôi không sống với gia đình nhiều. Tôi không có bạn gái. Bạn của anh tôi cũng là bạn của tôi. Chúng tôi gọi nhau bằng ...chú và xưng tôi, không có anh em gì cả. Có lẽ thế, tính tôi không hề có chút dịu dàng nào cho đến khi có con và chỉ dành cho con. Có lẽ thế, tôi dễ sống chung với các chị vũ nữ mà tôi thật sự quý mến như một gia đình. Các tay ...anh hùng hảo hán ở Sài Gòn, Dalat hình như cũng rất quý tôi, đưa em gái lạc loài, lờ khờ trong thế giới muôn mặt về đêm. Chẳng ai hỏi tôi từ đâu đến, con cái nhà ai. Tôi cũng không tò mò về cuộc sống của các chị vũ nữ.



Thời bấy giờ, giới vũ nữ là giới làm rất nhiều tiền và rất nhiều người có học. Họ chỉ trở thành vũ nữ để giúp gia đình trong khoảng thì giờ rỗi rảnh. Công việc của các chị ấy là nhảy với khách hàng, những người đi Vũ Trường một mình, những người mới biết khiêu vũ. Thời 60, khiêu vũ là một nghệ thuật. Mọi người nhảy lấy đẹp, nhảy biểu diễn. Khiêu vũ là một nghệ thuật, không hề có ý đen tối, lợi dụng. Khách đến Vũ Trường và vũ nữ đối xử với nhau lịch sự. Có những chị nổi tiếng chỉ vì nhảy giỏi, nhảy đẹp. Các chị không đi đêm với khách, tôi biết vì tôi ở cùng các chị một nhà.

Vũ Trường đóng cửa, ai muốn đi ăn đêm thì thường chạy tới tiệm xôi gà trước mặt khách sạn Thủy Tiên, sau lưng tiệm bánh mì Xương Ký đầu con dốc Hàm Nghi. Chủ quán là cặp vợ chồng trẻ, con ông bà Bắc Hương cơm tám, giò chả nằm gần café Tùng – ông bà chủ quán xôi này hiện đang ở Portland, Oregon - nhiều đêm, vừa thấy mặt tôi, cô vợ da trắng, má hồng cười như hoa nở, hét toáng lên... Đùi Khánh Ly... Phao câu Khánh Ly... câu rao ngắn gọn làm ai cũng quay lại nhìn tôi cười. Và tôi không hề cảm thấy ngượng ngùng, sà ngay vào hàng cầm chiếc đùi gà, miếng phao câu béo ngậy, đĩa xôi trắng dẻo thơm phức mỡ hành. Ở một thành phố nhỏ như Dalat, ai cũng biết mặt nhau.

Cùng đi ăn với chúng tôi là một số các ...anh hùng có tên tuổi. Những cái tên ngộ nghĩnh đôi khi do thành tích mà có. Các bạn ấy còn trẻ, có người trạc tuổi tôi, có người lớn hơn nhưng ai cũng làm mặt nghiêm, lạnh lùng ít nói. Họ làm ra vậy giữa chốn đông người, thật ra, họ dễ thương, sống có tình nghĩa. Họ có bản phận bảo vệ

nhà hàng, các chị vũ nữ, ca nhạc sĩ. Mấy ông say xỉn quậy phá, gây gỗ, họ là người giải quyết, giảng hoà hoặc mời các ông đi về chứ không bao giờ họ gây chuyện rắc rối cho nhà hàng. Giới giang hồ, các chị vũ nữ và ca nhạc sĩ vì thế mà gần nhau, thương nhau và luôn bênh vực cho nhau. Thời đó, dưới mắt tôi, họ là những người hùng. Cách sống của giới này ảnh hưởng đến lối sống và cách suy nghĩ của tôi không ít.

Tôi hát chưa ra gì nhưng lại được nhiều người thương mến nên cuộc sống mấy mẹ con coi bộ cũng đỡ khổ. Tôi mua quần áo đẹp nhất Dalat cho con tôi ở tiệm Au Printemps. Tôi sục vào lầu trên của chợ Hoà Bình, nơi bán quần áo cũ của Mỹ - hàng viện trợ - tìm mua áo da, váy len, giày boots. Diện vào, ai dám nói là quần áo cũ. Tôi thường tới quán café nơi Bích Ly, chị cả của ban CBC ngồi giữ két, nói dóc. Bích Ly và tôi hình như bằng tuổi nhau hoặc Ly kém tôi một tuổi gì đó. Hai đứa cùng tên Ly, cùng đen đen như nhau, giọng cũng khà khà giống nhau nên bắt chuyện gớm lắm... Giờ gặp lại trên xứ Mỹ, hai đứa vẫn tưởng như đang ngồi trong quán café ở Dalat.



Thời đó, tôi mới 18 tuổi, còn ham ăn, ham chơi. Chẳng có gì thú vị cho bằng quăng giày dép, chân không, đi, chạy, nhảy khắp Đồi Cù, xuống Toà Tổng Giám mục, men theo con đường Tình Yêu dẫn lên Toà Tỉnh rồi lại lên Đồi Cù nằm khểnh dưới gốc thông hoặc thủng tay chân trên bãi cỏ thềm thang nhìn ngắm mây trời. Không nhớ đến ai cũng không cần biết mình là ai, ngày mai sẽ ra sao. Không nhớ ai thật, không cả yêu đương. Không hề nghĩ đến gia đình và Saigon. Tôi thương các con song thường tự hỏi vì sao tôi có chúng trong khi tôi chẳng có một chuẩn bị nào, chưa hề có một khái niệm về gia đình. Những lúc lang thang trên Đồi Cù, cùng các bạn gái đắm chìm dưới suối Liên Khương, tôi ước ao trở lại tuổi 14, 15. Có lẽ, tôi sẽ bắt đầu cuộc đời của tôi một cách khác.

40 năm trước, đó là ý nghĩ của một thiếu phụ tuổi 18, nằm ngủ quên dưới gốc thông già. Buổi trưa nắng vàng chan hoà trên cỏ lá, tiếng thông reo ngân dài, bất tận như một lời ru buồn. Lời ru âm thầm đi vào giấc ngủ và

ở lại đó. Lời ru buồn. Rất buồn...

2.

Ngày di cư tôi, tôi mới 9, 10 tuổi. Chưa kịp làm quen với Sài Gòn, còn đang lạ lẫm với cách nói cười rộn ràng rất Nam kỳ, còn thích thú xé tờ giấy một đồng làm hai, gọi là 5 cắc đủ mua một ly đá nhận xi-rô, đã theo gia đình lên Dalat. Đó là năm 1956. Bố tôi – tức dượng nếu gọi theo tiếng miền Nam, tôi gọi dượng bằng bố theo lời mẹ tôi dặn – làm việc ở Ty cảnh sát Dalat. Gia đình tôi ở một biệt thự khu Chi Lăng. Căn nhà nằm lưng chừng con dốc ngấn và tất cả đều xây một kiểu giống nhau. Tôi chưa bao giờ đi hết con dốc đó để biết còn gì phía sau vì tôi bắt đầu đi học.

Trường tiểu học Phan Chu Trinh nằm ngay một ngã tư. Trước mặt nó là khu đất trống có con đường nhỏ dẫn vào đồi Bà Miên, nơi mà ít năm sau này, lại chính là nơi mẹ con tôi ở. Con đường đó cũng đưa vào trường Đại Học Quân Sự và khoảng đất trống trước mặt trường Phan Chu Trinh năm nào nay đã xây đầy những biệt thự của các ông Tướng. Căn đầu tiên là nhà của tướng Thái Quang Hoàng, cách 2 căn là tướng Đỗ Cao Trí. Tôi vào học lớp một vì chuyển qua chương trình Việt, nên chẳng hiểu gì cả, thậm chí không biết đọc tiếng Việt, trong khi chị tôi, chị Lệ Yến, lại được bố mẹ tôi cho học tại trường Domaine de Marie, chương trình Pháp-Việt.

Từ nhà đến trường không xa lắm mà cũng không gần. Tôi đi bộ lúc đi và cả lúc về. Bấy giờ, ngoài Ngọc Anh, tôi biết mình có thêm 3 đứa em nữa. Duyên Hải, Tố Loan, Tố Uyên. Sau giờ đi học, tôi làm những gì mẹ tôi bảo làm nhưng thường trốn nhà ra hồ Chi Lăng chơi. Chân không mang giày dép, thơ thẩn đi quanh tạt xuống ven hồ mò ốc hoặc lượm ...cứt để chơi – tôi tưởng đó là thuốc tể như của bà nội. Ở đó có một biệt thự to lắm. Người ta bảo nguyên khu Chi Lăng này, ngày xưa dành cho người Pháp, và các căn biệt thự của chúng tôi cũng vậy! Cái Hotel Chi Lăng với cái giếng nước giá xây trước mặt cũng là nơi người Pháp thường đến nghỉ hè. Thời đó chưa có tên Chi Lăng mà là Saint Benoit. Mãi sau này vẫn còn những người gọi thế.

Tan học tôi thường không đi theo đường chính mà chui qua những bụi cây, những hàng thông, những khóm

lay-ơn đủ màu mọc khắp mọi nơi nhưng không bao giờ tôi bẻ hoa, chỉ tìm loài dây leo để đem về chơi nhảy dây. Bố mẹ tôi ít khi nhìn thấy tôi, ông bà gần như không để ý, không hỏi đến nếu không có gì để sai bảo, dặn dò. Tôi lại cảm thấy khoái hơn dù đôi lúc cũng tủi thân khi không được mẹ ngó ngang.

Ngoài con đường từ nhà đến trường và ngược lại, ngoài khung cảnh yên tĩnh của hồ Chi Lăng, tôi chui xuống cái rãnh nước chảy quanh nhà, đắp đất trồng bắp cải từ những cuống cải già bị cắt bỏ, có chút xíu mầm, mà tôi tưởng là sẽ sống được. Tôi có thể lang thang trong những khoảng đất trồng đầy cỏ dại để tìm hái trái mâm xôi, bứt dây rừng, xuống hồ Chi Lăng vọc nước, bắt ốc, hoặc ngồi dưới cái rãnh nước ấy cả ngày, nếu không có ai tìm.

Qua đến năm 1957, gia đình tôi phải chuyển về Saigon. Hơn một năm ở Dalat, có một vài điều đã khắc sâu vào tâm trí non nớt của tôi và không bao giờ tôi quên. Nó là những vết cháy dầu đến ngàn năm vẫn còn hằn dấu.... Trước ngày di cư, Hà-nội mở một Hội Chợ, ở đâu thì tôi không nhớ nhưng có lẽ do người Pháp tổ chức sau khi hội nghị Genève được ký kết. Tôi đi hội chợ với một thằng nhỏ ở cùng đường, tên nó tôi còn nhớ, nó là thằng Đồng. Hội Chợ thì thường có nhiều trò chơi, vậy mà tôi chỉ nhớ là có một gian hàng nhỏ có dựng sân khấu cho mọi người thi hát, tôi đã leo lên và hát bài “Thơ Ngây”.... Khi ấy em còn thơ ngây, đôi mắt chưa vương lệ sâu ..., rồi leo xuống lùi mất tiêu. Đó là lần đầu tiên trong đời, tôi cất tiếng hát. Lúc còn học nội trú St Marie, tôi cũng được lên sân khấu, chỉ đội lốt làm con thỏ mà thôi, nhưng trước đó, trước đó gần chục năm...

....Tôi sinh ra vào một buổi chiều ngày 6 tháng 3 năm 1945 tại nhà thương Bạch Mai. Ba ngày sau đảo chính Nhật, dân Hà-nội sơ tán về các vùng xa thành phố, bố mẹ tôi cũng mang chị em tôi chạy ra khỏi Hà-nội. Mới có 3 ngày, tôi làm sao biết được những gì đã xảy ra nhưng khi hơn 1 tuổi, tôi đã nhận biết và nhớ cho đến ngày hôm nay và một vài sự việc mà lúc nào tôi cũng tưởng như còn rất mới... Hai chị em chúng tôi được gán đi, mỗi đứa ngồi một cái thúng, chị Yến được chú Tích cõng. Cùng vài người nữa, cả nhà tôi cứ xuyên rừng, lội sông, lội suối, trèo đồi, trèo núi mà đi. Một ngày trên đường đi gặp ngôi chùa hoang, mẹ tôi đặt tôi nằm trên cái bệ cao và kết quả là tôi ngã xuống giập cằm vào cái bệ xi-măng. Vết thương sâu lắm, ăn cơm lòi cả cơm ra ngoài. Bố tôi lấy vải trắng băng lại và buộc trên đầu. Vết sẹo khá dài vẫn còn đây. Bố tôi đã làm dữ vì với ông, tôi là...hòn ngọc đen yêu quý của ông.

Cả nhà tôi cứ đi mãi như thế, càng ngày càng xa Hà-nội. Chỉ thấy rừng và rừng. Đoàn người đi cùng với gia đình tôi thưa dần, chẳng biết họ đi đâu. Một lần qua sông trên một cái mảng ghép bằng các thanh tre, lúc chuyển đám trẻ con xuống, tôi là đứa bị rớt xuống sông, chắc không phải là sông vì tôi còn nhớ nước ở đó có màu như đen, đen một cách kỳ cục lắm chứ không phải là xanh thẫm khiến mình tưởng là đen. Bố tôi nhảy xuống vớt tôi lên và khi qua tới bờ bên kia mới biết được cái người chèo mảng đó chuyên giết người lấy tiền vì anh ta biết là dân Hà-nội sơ tán, ít nhiều gì cũng có tiền hay vàng. Qua suối cũng khổ, bố tôi phải cột dây thừng ngang bụng, mọi người ở lại giữ đầu mối dây, bố tôi lội qua con suối rộng, nước đổ từ trên cao tung toé dữ dội, sùng sục giữa những tảng đá đầy rên trơn trượt. Qua tới bờ bên kia, bố tôi tìm cây cột dây rồi lại lội ngược trở qua. Người lớn buộc trẻ con trên lưng và cứ nắm sợi dây ấy lần từng bước. Tôi là người được bố cột trên lưng.

Có những ngày qua khỏi cánh rừng lại thấy làng mạc ruộng vườn. Trời thì rét. Bố tôi ủ tôi trong chiếc áo Trần Thủ dầy cộm vào những trại gà, tìm những cái trứng mới đẻ còn ấm, bố chọc 2 đầu trứng cho tôi húp sống. Có những chiều bố công kênh tôi trên vai đi giữa những ruộng lúa xanh rì, ghé vào quán lá, mua cho tôi cái kẹo bột nhỏ xíu, tôi cứ ở trên lưng, trên vai ông và bố tôi vừa đi vừa nói ...bố đánh ton – ton đánh bố ...Hết trại gà, hết nhà cửa ruộng vườn, gia đình tôi lại xuyên rừng mà đi. Tôi nhớ có một đêm, trời tối lắm, chẳng ai nhìn thấy ai, tất cả nằm mọp ở một cửa rừng ngong ngóng nhìn vào đêm tối... lâu lắm, lâu lắm...bỗng có ánh đèn loé lên ở xa chớp tắt 2,3 lần, thế là bố tôi lại ôm tôi lao theo hướng ánh sáng đó. Tất cả mọi người đều chạy, ngậm tăm mà chạy... Sau này, mẹ tôi bảo để tránh Tây và tránh cả Cộng sản nữa, vì gặp phe nào lúc đó, mình cũng chết.

Từ lúc chạy khỏi Hà-nội, tôi mới có 3 ngày tuổi. Tôi lớn lên dần trong rừng sâu, ăn khoai sắn độn cơm vì chỉ bố tôi là được ăn cơm trắng. Tôi lớn lên trên lưng, trên vai, trên chiếc áo Trần Thủ của ông và quan trọng hơn cả là trong tiếng đàn, tiếng hát của ông. Tôi không còn nhớ ông hát hay ra sao nhưng chắc chắn là không dở và tiếng đàn của ông, tiếng đàn măng-đô-lin cùng với tiếng hát...Trên đồi xanh, chiều đã xuống dần. Mặt trời lấp ló sau đồi chiều vàng... đã đi vào trái tim non nớt của tôi và ở lại đó vĩnh viễn. Chắc chắn ông cũng không thể

ngờ rằng, những ca khúc ông hát cho đứa con gái xấu xí của ông ngày đó, lại có lúc mở ra cánh cửa định mệnh gần như dành sẵn cho nó, đứa con chịu nhiều thiệt thòi nhất trong gia đình, chắc chắn bố tôi cũng không hề nghĩ rằng, những ca khúc buồn bã ấy sẽ ảnh hưởng như thế nào trên cuộc đời của tôi. Bố tôi lại càng không bao giờ nghĩ đến cái lúc ông nằm xuống và ra đi trong cơn điên loạn, không một người thân bên cạnh, trong trại tù Lý Ba Sơ, giữa rừng thiêng nước độc. Những câu nói cuối cùng trong cơn điên loạn vẫn cứ là lời ông dành cho vợ con mà tôi là đứa con ông thương nhất.

... Từ chương trình Pháp tôi được học 5 năm tại Hà-nội, nay chuyển qua chương trình Việt, tôi chẳng hiểu gì. Kể ra thì vô lý vì tôi học lại từ đầu nghĩa là từ lớp Năm, có gì khó khăn, mà không thể hiểu được, nhưng rõ ràng là, chữ nghĩa không hề chui vào đầu tôi ngoài môn học thuộc lòng. Tôi nhớ ngôi trường cũ đẹp thanh thanh, cái sân chân vuông vừa có một cây xoài khá lớn ở một góc. Tôi nhớ cái buồng ngủ như trại lính với 3 dãy giường giống hệt nhau. Mỗi chân giường là một cái ghế trên đó để sẵn chiếc váy xanh nước biển đậm, áo sơ-mi trắng bóng có dây cài ngang và đôi vớ trắng. Màn trắng, chăn gối, niệm trắng. Đêm đến các sơ Pháp búi tóc dài quá lưng, tay cầm tràng hạt vừa đi vừa kiểm soát, vừa đọc kinh. Lạy Chúa, trong đời tôi, tôi chưa thấy hình ảnh nào đẹp như thế.

4 giờ rưỡi sáng, những mái tóc dài đã biến mất dưới cái lúp trắng. Bà đứng đầu phòng vỗ tay đánh thức chúng tôi. Chỉ 15 phút làm vệ sinh thôi, chúng tôi dù còn tiếc giấc ngủ cũng chẳng thể làm sao hơn, nhồm dậm làm giường rất nhanh rồi túa nhau vào phòng tắm. Mỗi đứa có riêng đồ vệ sinh cá nhân. Một chậu rửa mặt men trắng, khăn mặt, bàn chải đánh răng, cốc. Tất cả một cỡ và giống nhau như quần áo, vớ giầy. Sau 15 phút, chúng tôi lại túa xuống lầu như một bầy vịt con. 2 chiếc bàn dài đầy mũ nôi đủ màu sắc, mành đứa nào chụp được cái nào thì chụp, đội lên đầu rồi tất cả theo nhau vào nhà nguyện của trường dự lễ sớm nhất của ngày. Đó là lễ Misa. Lễ xong, chúng tôi qua phòng ăn sáng, rồi bắt đầu một ngày học. Tôi không có gì xuất sắc nhưng cũng như những đứa trẻ lớp một bình thường bắt đầu bằng a, b, c nhưng chúng tôi được dạy tổ tiên chúng tôi là người Gaulois. Tôi cũng tin như thế. Tôi và chị Yến được mẹ tôi cho học piano. Khốn nạn cho tôi, sao ngày ấy tôi ngu và nhát thế hay tại các thiên thần của tôi đánh dữ quá, mười đầu móng tay bé bỏng của tôi mà mấy bà sơ chẳng thương xót gì, cứ roi mây mà quất. Thế là con bé sợ quá... xin mẹ cho thôi... Thật chưa có cái ngu nào giống cái ngu nào. Cả hai chị em cùng thôi. Chúng tôi được dạy cách ăn, cách ngồi ăn. Được dạy cách đi với cuốn sách dày cộm trên đầu... Nghĩa là đủ cả để sẵn sàng trở thành đầm con.

Tôi nhớ thương sâu đậm những năm tháng ngắn ngủi bởi với tôi đó là một trong vài khoảng đời đẹp, hạnh phúc và đau buồn nhất ... Nỗi nhớ mong hình dáng to lớn, xinh đẹp của mẹ mỗi chiều thứ sáu đến mỗi mòn tuyết vọng. Nước mắt vòng quanh, tôi tủi thân lấp ló, thèm thườn nhìn các bạn hờ tung tăng theo chân bố mẹ rời trường. Cả một ngôi trường to lớn bỗng trở nên vắng lặng. Sự im lặng khiến tôi cảm thấy ngôi trường dường như lớn lên gấp trăm lần và những tiếng đọc kinh rầm rì của các sơ thường ngày rất nhỏ như tiếng mẹ ru con, chiều thứ sáu cũng như cao hơn, vang vọng trăm bóng trong không gian, như muốn sưởi ấm những trái tim non nớt cô đơn, ngăn những dòng nước mắt tủi thân đừng rơi xuống quá sớm.

Mẹ tôi phải làm việc ở xa để kiếm tiền nuôi mấy chị em tôi - Ngọc Anh mới được sinh ra vài tháng sau khi mẹ nghe lời bố mang chúng tôi từ biên giới Trung Hoa trở về Hà-nội tìm người bảo lãnh bởi lúc đó, Pháp đã nắm chính quyền. Cộng sản cũng thành lập Đảng - Bố tôi không muốn theo Cộng sản nhưng đã từng chống Pháp, giờ khó an toàn nếu không có người quen biết bảo đảm - Mẹ được bố tôi - bây giờ - giúp đỡ công việc buôn bán và vì thế khi chúng tôi đến tuổi đi học, mẹ gởi hai chị em tôi vào nội trú, còn anh tôi ở với bà nội, nhà 106 Hàng Bông...., tiền học hai chị em tôi gần 50 ngàn mỗi năm là một số tiền không phải nhỏ, không phải ai cũng có và cũng dám làm. Giờ nghĩ lại, tôi thương sự hy sinh của mẹ, tôi hiểu vì sao có những chuyện khiến tôi đau lòng xảy ra. Tôi hiểu. Tôi hối hận vì có những lúc... không phải với mẹ dấu lòng tôi vẫn buồn đau vì sự mất mát tình yêu của người cha là điều không thể thay thế được - không ai có thể làm được điều đó nhất là với tôi.

Mê hát do thừa hưởng dòng máu văn nghệ của cha nên khi nghe Saigon tổ chức cuộc tuyển lựa ca sĩ nhi đồng, tôi không thể gạt bỏ ý nghĩ liều lĩnh của một đứa bé gái mới trên 10 tuổi. Tôi chỉ nói điều này với anh vì anh Sơn cũng thích hát, thích vẽ. Anh hứa sẽ không cho bố mẹ biết nhưng cả hai chúng tôi đều biết rõ, biết rõ hậu quả của sự việc vì không thể nào bố mẹ tôi không biết đến sự vắng mặt của tôi. Mẹ tôi vốn là em út trong một gia đình có 3 chị em gái. Khi di cư, bác Tư tôi ở lại với bà ngoại. Gia đình bác Tuất tôi ở Saigon mà bác gái lại rất thương tôi. Bác Tư ở lại Hà-nội có anh Hùng, anh Tín sau này còn có thêm anh chị nào thì tôi không biết, nghe nói hai anh tôi đều đã đi học và tốt nghiệp ở nước ngoài. Cả hai anh có vào Saigon tìm gia đình tôi

một lần rồi thôi, không liên lạc gì cho đến bây giờ. Mẹ tôi đã tiếp đãi các anh theo đúng tinh thần Quốc-Cộng. Điều đó có lẽ khiến hai anh buồn lòng. Không có lần thứ hai. Tôi trách mẹ vì dù Quốc hay Cộng cũng không thể cắt đứt tình máu mủ ruột thịt và chẳng hiểu vì sao, ngay cả chị Yến tôi dù ở lại, dù đã đi Hà-nội chơi mấy lần, cũng không tìm thăm lại các anh em của mình và mộ của ông bà ngoại.

Nhưng năm đó thì gia đình bác Tuất ở Saigon. Các chị Tuyết, Kim, Oanh, Nghiệp, anh Bảo, anh Toàn đều hát hay và vì bác Tuất trai sử dụng kèn Clarinette từ trước di cư. Tôi tin bác sẽ cho tôi ở vài ngày và che chở cho tôi. Thế là tôi quyết định ra đi. Mượn quần soọc, áo sơ-mi của anh, tôi tới bến xe hàng chuyên chở rau xin quá giang. Đêm đó, tôi nằm sau xe tải ôm đám bắp cải ngủ cho tới khi xe tới Saigon. Ông tài xế già tốt bụng còn dặn nếu muốn trở lại, cứ tới bến tìm, ông sẽ cho trở về. Tôi không nhớ rõ nhưng chắc chắn gia đình bác Tuất đã ghi tên cho tôi dự cuộc thi tuyển đó. Em bé Lệ Mai ghi danh bài “Từ Giã Kinh Thành” nhưng bị từ chối. Con nít không được hát bài đó. Tôi nhớ ngay đến “Ngày Trở Về” của ông Phạm Duy và được chấm đậu hạng nhì, thế thôi nhưng đủ làm tôi sung sướng đến có thể chết đi được và không cần biết chuyện gì đang chờ đón tôi ở nhà. Nửa thế kỷ đã trôi qua, không biết còn mấy ai nhớ đến con bé đen ngòm, tóc tём, mặc quần soọc trắng, áo sơ-mi ca-rô xanh... hùng dũng hát “Ngày Trở Về” trong buổi thi tuyển ca sĩ nhi đồng tại rạp Norodom. Đối với tôi, dẫu sau đó bị một trận đòn thể thảm, tôi vẫn cho rằng việc làm liều lĩnh của tôi ngày đó là đúng, không có gì, không còn gì đúng hơn.

3.

Ở Đà Lạt được một năm, gia đình tôi lại chuyển xuống Sài Gòn. Chúng tôi dọn vào một căn nhà khá xinh trên đường Sương Nguyệt Ánh mà nhiều năm sau đó nữ nghệ sĩ Kiều Hạnh, rồi cô Thái Thanh dọn về. Cạnh đó, đường Bùi Thị Xuân, là nơi bà nội sau, tức là mẹ dượng tôi, cũng là nơi vợ chồng ông Lân cô Thanh Nga bị sát hại ngay trước cửa. Ông Đồng Lân là em ruột bố dượng tôi nên tôi gọi cô Thanh Nga bằng Thím. Nhưng đó là chuyện về sau.



Trong cái cư xá gồm khoảng 10 căn, tôi cùng đám trẻ con không phân biệt Bắc Nam cùng chơi trò...tạc hình dù mẹ tôi ngăn cấm. Bà thường tặng tôi những trận đòn nhớ đời mà tôi chẳng hiểu lý do vì sao. Tự nhiên mẹ tôi lòi ra đánh, bắt xin lỗi. Tôi có lỗi gì đâu mà xin. Đánh nữa cho bỏ cái tật lì lợm. Không khóc hả, đánh nữa, đánh nữa. Tôi không bao giờ khóc ngay lúc đó, thường là sau mỗi trận đòn, tôi trốn trong nhà tắm hoặc đầu ngõ, kiếm một chỗ khuất để khóc một mình và những lúc ấy, tôi nhớ Bố tôi biết bao nhiêu. Ủ, nếu có Bố ở đây, mẹ sẽ không bao giờ đánh tôi như vậy.

Mấy người chị họ như chị Tuyết, chị Kim đều được bác Tuất cho đi hát. Chị Yến tôi cũng được đi hát theo, và người để ý đến chị Yến chính là nhạc sĩ Lam Phương, bấy giờ ông vừa làm xong bài hát “Khúc Ca Ngày Mùa”. Tôi không còn nhớ các chị hát ở đâu bởi lúc đó, Sài Gòn chưa có một phòng trà nào, mà dẫu có, các chị cũng chưa đủ tuổi để vào những nơi đó. Điều đó chứng tỏ là mẹ và dượng tôi (từ nay tôi sẽ gọi dượng bằng bố) không hề có ác cảm với việc con mình đi hát. Chuyện hát hò có lẽ chỉ nghiêm khắc đến nghiêm ngặt đối với tôi, mà cho đến bây giờ lý do tại sao tôi vẫn không hiểu.

Lại dọn nhà nữa, có lẽ vì ở gần bà nội, mẹ tôi cứ bị ông em của bố tôi qua tận nhà chửi bới, thậm chí còn xông vào muốn đánh mẹ. Ông này là em dưới ông Đồng Lân...trong có 2 năm, dọn nhà 3 lần, tôi mất trắng những ngày được đi học. Tuy vậy, tôi cũng lờ mờ hiểu được rằng... bên nội sau không thích mấy anh chị em tôi, nhất là không ưa mẹ tôi chút nào, không tán thành cuộc hôn nhân của bố mẹ. Có lúc tôi hỏi mẹ... Sao mẹ không nhận lời cái ông Tây yêu mẹ và yêu cả các con. Cái ông Toàn Quyền ở Hà Nội ấy...Mẹ tôi cười. Ôi! tình yêu. Thì ra mẹ tôi yêu bố tôi, quên đến nỗi quên hẳn bố ruột tôi đang trông chờ tin tức của vợ con, quên hẳn mình đã có 3 đứa con, quên luôn rằng lúc đó bố tôi đang ở với bà Lan Phương (em bà Ái Liên, dì ruột của ca sĩ Ái Vân).

Nhà chúng tôi nằm cạnh Nha Quân Nhu đường Trần Hưng Đạo. Lúc này, tôi đã vào nếp như ý mẹ tôi mong muốn, nhưng tôi chẳng làm sao quên được hình ảnh của một buổi chiều mẹ đến mẹ đến nhà bà nội tôi ở

Hàng Bông. Sau khi nói chuyện với bà nội, mẹ bảo với chúng tôi ...Bố các con chết rồi. Hôm đó mẹ rất đẹp, mẹ mặc áo dài mút-sơ-lin màu tím hoa cà, có những chấm tròn trắng, quần đen, kính đen và to. Tóc mẹ chải ngược ra sau, bới lại. Mẹ, hôm đó đẹp lắm. Mẹ tôi lúc nào cũng đẹp. Bà không chịu được cái gì xấu, không chấp nhận cảnh nghèo, không chịu thua kém ai và dĩ nhiên, bà muốn các con của bà nếu không theo kịp cũng có phần nào cái đẹp của bà, đầu bà nợ nhiều lắm. Mẹ tôi vẫn cứ, bà vẫn cứ là cái đinh trong mắt ... 2 bà nội của chúng tôi.

Như thế, tôi có hai bà nội. Ngày giỗ bố tôi, mẹ và các em tôi đều có mặt... ăn giỗ Bố Viễn... các em tôi bảo nhau như vậy. Chúng tôi sống chung hoà thuận, không hề có chuyện Bố tao, Bố mày bởi chúng tôi cùng một mẹ sinh ra. Với tôi, cho dù bố mẹ không thương cũng không hề tị nạnh ganh ghét các em. Một gia đình, thoạt trông vào quả là hạnh phúc qua những đứa con, nhưng vẫn có những cơn sóng ngầm dữ dội. Bố Viễn tôi ngày xưa yêu và bằng mọi cách cưới mẹ cho được. Gia đình nội tôi khá giả. Bố tôi học trường Tây đến hết trung học, ông đi Hongkong. Tôi không hiểu rõ ông đến Hongkong làm gì nhưng bà nội cho biết ông nói được 7 thứ tiếng Tàu, tiếng Mỹ. Một thời gian làm việc với Nhật nhưng sau đó, ông theo phong trào chống lại Pháp. Vậy việc ông đi Hongkong có liên quan gì đến đảng cộng sản được chính thức thành lập sau này hay không, điều đó không quan trọng. Điều quan trọng hơn là bố cưới mẹ tôi ở Hongkong. Khi hai ông bà trở về, mẹ đã có thai và bà nội tôi đành phải cưới vợ cho con, người con độc nhất của bà.

Theo lời mẹ kể, bà nội tôi là người nghiêm ngặt, ông nội thì nhu nhược hiền lành nhưng vẫn có thêm vợ. Bà tôi khai thác mỏ phốt phát và nuôi cả nhà. Mẹ bảo ...Bố tôi là người hiền như cục, bố rất tốt với bạn bè. Ai xin gì cũng cho. Cho hết quần áo của mình, về nhà lấy quần áo của ông nội, cho luôn. Đi làm nhưng chẳng bao giờ ông mang tiền về nhà. Mẹ có hỏi ông bảo ...cho hết rồi. Bà nội và mẹ tôi không phàn nàn gì trước cái lối vung tay của cậu Ấm. Bà tôi kể... Năm đó, bà đã 26 rất giỏi giang công việc buôn bán dù không biết chữ nhưng muợn chồng vì bà không được đẹp (Mẹ thường bảo tôi giống bà nội). Ông nội nhà giàu, không có con trai, nhờ người mai mối thế là bà tôi về làm lẽ. Một hôm bà đang ngồi trước cửa, có ông thầy bói đi qua, bà tôi đang phiền muợn về nỗi chặm con bèn nhờ ông ta coi, bà cũng kể lẽ nỗi niềm hiếm muợn của mình. Ông thầy nói với bà rằng... Bà sẽ có một người con nhưng người con này sẽ không ở với bà lâu vì tiền kiếp của đứa bé này là một người Tàu, ông này làm quan và chết trẻ... Thế rồi bà tôi sinh bố tôi và chỉ một lần đó thôi.

Tôi không quan tâm đến chuyện giàu có của bà nội và khi gặp mặt lần đầu tiên tôi đã 5 tuổi rồi. Bà nội ở một mình, 106 Hàng Bông. Nhà rất rộng, căn ngoài bà mở depot nước đá, căn thứ hai có một cái giường lớn, cái bực thì đúng hơn, lát đá hoa, trưa hè Hà Nội nóng nực, nằm xuống, sướng không chỉ cái lưng. Qua một khoảng sân rộng ngổn ngang những dụng cụ điện làm bằng sứ trắng tới phòng của bà và chúng tôi. Lại một khoảng sân đầy dụng cụ nữa, mới tới nhà vệ sinh. Sau khi hồi cư, mẹ để chúng tôi ở với bà, còn mẹ đi buôn bán, nghe đâu ở Hải Phòng. Tôi rất ngại đến gần bà vì bà tôi rất nghiêm, ít khi hỏi tới các cháu và luôn luôn có ác cảm với mẹ tôi. Phần tin tức bố tôi cứ mù tăm, hoặc là bà có biết, mẹ có biết nhưng nghĩ chúng tôi còn bé dại, có nói cũng vô ích.

Tôi bị nhức trong xương, bà bảo là tê thấp, phong thấp gì đó và từ nhỏ, tôi đã phải uống những chén thuốc Bắc đắng nghét. Dù bà không nói nhiều với chúng tôi nhưng bà săn sóc rất đầy đủ. Bà hay nấu cháo hoa cho tôi ăn với đường, bà cho anh Sơn ăn cao ban long, cao hổ cốt do chính bà nấu và bán. Bà tôi còn biết làm xà bông nữa, những thỏi xà bông màu xanh được cất vuông vức. Bà còn chơi hụi và thỉnh thoảng bà dắt chúng tôi đến những buổi lên đồng, gọi là "lấy lộc", tụi tôi rất khoái cái màn này. Uống thuốc Bắc, ăn sáng bằng cháo hoa, đi xem lên đồng và nằm ngủ trưa trên cái giường lát đá hoa cho đến lúc mẹ cho chị Yến và tôi vào nội trú. Tôi không hiểu vì sao mẹ không gửi anh Sơn theo chương trình Pháp nơi trường bố tôi đã học. Chắc mẹ có lý do riêng. Tôi thắc mắc không hỏi để đến bây giờ thì quá trễ rồi.

Gần như chúng tôi chỉ được mẹ đón một lần mỗi tháng. Mẹ đón, nhưng lại đưa chúng tôi về nhà bà nội, rồi lại đi mất. Tôi đã quen sự ơ hờ của mẹ và những ngày cuối tuần của tôi rất thần tiên. Tôi không phải bưng đĩa rau dền xay nhuyễn với bơ lên văn phòng của Bà Nhất để vừa khóc vừa ăn, tôi gọi món đó là ...cứt trâu. Về với bà nội dù chỉ 2 ngày, tôi tung tăng chạy khắp phố Hàng Bông, được ăn bánh mì paté gan cháy, xôi lúa hoặc thơ thẩn trước các cửa hàng nghe lóm nhạc. Tôi biết nghe "Bà Mẹ Quê, Vợ Chồng Quê, Em Bé Quê...". Tôi quen cái vị đắng khó uống của những thang thuốc Bắc và thích đặt lưng lên cái sạp lát đá hoa, mát đến lạnh người. Mỗi tháng chỉ uống thuốc được 4, 5 lần nên tôi ôm cái bệnh gọi là phong thấp cho đến bây giờ và cũng một phần vì nó, tôi làm quen với thuốc ngủ.

Nhạc của Phạm Duy và của các ông nhạc sĩ thời bấy giờ đã len lỏi ẩn núp trong trí nhớ thơ dại của tôi từ những ngày lang thang trên con phố Hàng Bông Thợ Nhuộm. Ra khỏi nhà, nếu đi thẳng, tôi sẽ đến bờ hồ. Rẽ tay phải là Hoả Lò. Rẽ trái tới phố Phú Xuân và rạp xi-nê Kinh Đô. Thời đó, chúng tôi hay sưu tầm program in màu đẹp lắm và tôi nhớ mãi cái phim Ấn Độ “Magala cô gái Ấn”. Ôi! cái phim buồn làm sao, tôi khóc quá sức khi thấy trên màn ảnh hai người vừa khóc, vừa hát vừa chia tay nhau. Tôi cũng được xem phim “Cô Gái Việt” mà tôi nhớ bài hát chính của phim... Lời sông núi bừng vang bốn phương trời... Trong những ngày cuối tuần đó, tôi cũng đến ở với bác Tuất. Nhà bác ở ngay cạnh Quốc Tử Giám. Chỉ băng qua đường, tôi có thể vào leo lên lưng mấy con rùa to tướng bằng đá. Đêm đến cả nhà kéo đi xem cải lương. Tất cả chục mạng chắt trên một chiếc xích lô. Tôi thích cô Kim Chung, Bích Hợp, Kim Xuân và danh hài Tứ Vũng, Phúc Lai. Tôi cũng mê cải lương từ đó. Nghĩa là cái gì có ca, diễn là nó đi thẳng vào đầu tôi.

Bố mẹ tôi có ngôi biệt thự lớn lắm. Cả một con đường toàn những biệt thự có chó bẹc-giê, có người da đen gạch mặt giữ nhà, tụi tôi thường chọc phá rồi chạy trốn về nhà. Tôi không nhớ tên đường nhưng nó nằm ở gần Hồ Tây và cũng gần vườn Bách Thảo. Tôi vào vườn lượm những trái chi chi nhỏ xíu đỏ tươi hoặc ra lội xuống đền Ngọc Sơn... Nếu dòng đời cứ êm ả trôi như thế, tôi đã trở thành một bà sơ vì cho dầu các thiên thần đã dùng roi mây đánh vào các ngón tay tôi, dù có bắt tôi lên văn phòng cho hết cái món ...cứt trâu, co la mắng chúng tôi... Các vous có muốn làm cái thứ trèo me, trèo sấu ấy không? Hình ảnh các bà sơ thật là đẹp đẽ. Nếu bố tôi không chết, nếu không có cuộc di cư và nếu mẹ tôi cho tôi tiếp tục học trường đó – sau di cư dọn vào Đà Nẵng – thì có lẽ cuộc đời tôi đã theo một hướng khác. Nhưng một là mẹ không chú ý đến tôi, hai là sau di cư, gần như đa số trắng tay. Nhà không giàu lại đông anh chị em, sẽ có đứa bị thiệt thòi. Điều này thường xảy ra. Ác ở chỗ, nó lại rơi trúng tôi.

Ở Trần Hưng Đạo, kể ngã tư Trần Bình Trọng, tôi học trường tiểu học Cầu Kho. Không ai khảo sát sức học của tôi, cứ theo tuổi xếp lớp thế là tôi cứ ngày ngày lội bộ đến trường, chẳng học được gì chỉ để rệp cắn nát hai bên mông và đùi. Tôi không dám nói với thầy cô rằng tôi chẳng hiểu gì ngoài môn học thuộc lòng, mà thầy cô cũng không thấy cái dốt của tôi. Về nhà, chẳng ai chú ý đến chuyện học của tôi cả. Rồi chị Yến lấy chồng, người này quen với bố tôi, đến nhà thấy chị hiền lành đẹp đẽ, giới giang bèn sót đi. Tôi biết chắc chắn chị tôi không yêu anh ta nhưng ở nhà chị khổ quá. Không được đi học nữa, phải chăn một lũ em, phải phụ với u già làm hết mọi việc. Chị cho rằng đi lấy chồng là thoát ra khỏi cái cảnh khổ. Bố tôi bằng lòng. Mẹ tôi thì không. Đám cưới chị Yến đơn giản đến độ giờ tôi không còn nhớ. Cái điều đáng nhớ nhất là ngày đó, mẹ tôi la mắng chị dữ lắm. Chị chỉ ngồi nghe và khóc. Tôi thường tự hỏi tại sao mẹ lại có hành động như vậy. Mẹ thương, không muốn rời xa chị vì chị mới 16 tuổi hay vì mất chị, mẹ như mất một cánh tay, nói rõ hơn mất một người làm việc giỏi?

Chị tôi khóc trong ngày cưới và khóc cả cuộc đời làm vợ, làm mẹ. Những giọt nước mắt rơi xuống, không phải để khóc cho hạnh phúc. Chị tôi đi lấy chồng và đó là lỗi lầm lớn nhất, duy nhất chị vấp phải. Một lần cho một đời. Chị tôi đi lấy chồng. Lấy người đàn ông đầu tiên chị quen. Chị tôi còn trẻ dại, chưa biết gì về tình yêu. Nói đúng hơn, chị không hề yêu, không biết tình yêu nó như thế nào. Bây giờ trên 60, chị tôi vui với 5 đứa con và một bầy cháu nội, ngoại. Tính chị đơn giản, không biết giận hờn ai bao giờ, nếu có thì có lẽ là người đã tặng chị 5 đứa con.

4.

Thế là chị tôi đi lấy chồng. Lấy chồng ở cái tuổi còn thơ, chưa biết tình yêu là gì. Chưa biết ngoài gia đình, cuộc đời xoay dần ra sao. Hơn 40 năm sau hỏi, chị bảo... Thì ai mà biết gì, bố mẹ bảo lấy, bắt lấy thì phải lấy, thế thôi... Tại sao lại thế? Tại sao lại có một tâm hồn, một con người đơn giản như thế? Chị vẫn cứ cười xem như chẳng có gì là quan trọng. Mà cũng phải thôi, các con chị đã lớn. Chị không còn trẻ. Không, 27 năm trước chị còn trẻ mà dường như không bao giờ chị nghĩ đến cả chuyện... làm lại bởi một lẽ đơn giản, chị không biết yêu, nên chị sống với các con và bây giờ là các cháu.

Tưởng chị là người không may hoá ra chính chúng tôi mới là những đứa không may. Nhìn chị bây giờ, tôi tự hỏi... phải chăng ngoài cái không biết yêu, hình như chị cũng không biết đau khổ là gì. Ngày xưa, chị Yến chỉ có độ hai, ba người bạn cùng xóm, giờ chị có nhiều bạn, chị “ăn hụi” cùng nhóm bạn già nay đi Thái Lan, mai đi Hà Nội chơi Chùa Hương, vịnh Hạ Long. Chị có thể đi bất cứ nơi nào chị muốn không cần xin phép ai. Chị luôn vui cười như trẻ thơ không hề biết lo âu. Tôi về, chị đeo theo tôi quên cả con dâu vừa sanh, đến nỗi tôi



phải nhắc để chị nhớ là chị vừa có thêm một đứa cháu nội. Chị theo tôi, có những hôm tôi ngồi cả ngày với ông TCS chẳng nói năng gì, mà có nói, chuyện chúng tôi chị đâu có hiểu nhưng chị vẫn đi theo không hề phàn nàn, kêu ca mệt mỏi.

...Sau khi em đi rồi, chị đi bán chợ trời, cái gì bán được là bán. Lão ấy bỏ chị và mấy đứa con bơ vơ. Rồi mất nhà, mấy mẹ con lăn lóc, nay ngủ nhờ chỗ này, mai nhờ chỗ khác. Mẹ thì khó tính, ở không được lại xách con đi. Một hôm chị gặp một ông thầy – tôi quên không hỏi chị là Thầy nào, Công giáo hay Phật giáo – lan man kể lể tâm sự khổ sở của 6 mẹ con, bất ngờ ông Thầy nói... tưởng ai chứ chị là chị của cô Khánh Ly, ngày trước cô ấy thường hát giúp chúng tôi để gây quỹ nuôi

các trẻ mồ côi tàn tật, thôi thì bây giờ tôi để lại cho chị mảnh đất và căn nhà này, chị trả góp cho tôi tới bao giờ hết thì thôi... Miếng đất khá rộng và căn nhà thì gần như đổ nát trị giá 10 cây vàng - dẫu có đổ nát cũng là cái nhà, có chỗ cho mấy mẹ con chui ra chui vào – và rồi với những gói quà 2 pounds tôi chất chiu gửi về, lần hồi chị cũng trả được hết món nợ đó.

So với căn nhà bị tịch thu của chị, dĩ nhiên là không bằng nhưng tôi lại thích bởi cái vẻ nghèo nghèo, nhỏ nhỏ của nó... Em không dư tiền gửi về cho cả gia đình, chỉ có thể mỗi năm gửi một lần cho Yến mà thôi. Các cháu lớn hết, đã có gia đình công ăn việc làm, không giàu nhưng đủ sống và như thế này, Yến sống sướng hơn tụi em nhiều lắm... Chị biết, chị nghe nói mấy em ở Mỹ làm việc cũng cực khổ lắm. Chị không thiếu gì vì các cháu. Tiền em gửi, chị để dành lúc về già hay bệnh hoạn... Bao nhiêu năm rồi, từ một thiếu nữ nay thành bà nội, bà ngoại, chị tôi vẫn hồn nhiên... không biết tiền là gì, nói gì đến tình yêu.

Chị không tha thiết đến việc đi Mỹ... Chị chỉ muốn đi một lần cho biết rồi về chứ ở bên ấy làm gì... Yến ạ, em giờ chưa đủ điều kiện để cho Yến đi du lịch thăm thú nước Mỹ nhưng mấy chị em ở đây góp lại cũng chẳng khó khăn gì... Số chị lại không may. Hồ sơ nộp theo diện bảo lãnh mà bây giờ xin du lịch thì ...hổng rồi. Chờ một năm nữa mở hồ sơ bảo lãnh thì chắc chắn là chị sẽ được đi nhưng cái chính là chị tôi không muốn qua đây rồi ... ở lại đây. Tôi cũng hiểu một người như chị dù có ăn học, dù ngày xưa này mặc áo lụa vàng lá "xé hộp" chạy phăng phăng trên xa lộ khiến có lúc nhà văn Nguyễn Đình Toàn... suýt đổ nhưng hơn 20 năm, dẫu trải qua lắm hồi bỉ cực, đời sống chị ở quê nhà đã thành nếp, chị khó sống ở nơi khác, nơi không có những bạn bè cùng "ăn hụi" với chị, nơi chị mỗi tháng giúp đỡ cho 2 học sinh nghèo học giỏi.

Tôi rất thương chị, dĩ nhiên vì chị là chị ruột của tôi, nhưng đồng thời, tôi nhận ra rằng đừng thương hại chị bởi chị, con người chị đơn giản quá, chị không biết khổ đau hoặc chị không để khổ đau gặm nhấm giết hại tâm hồn vốn luôn hồn nhiên của chị... Trong nhà thường chép miệng... tội nghiệp chị Yến, lúc có tiền chẳng được hưởng gì... Đúng, đối với chị, hờn giận, hối tiếc là những điều không tìm thấy ở con người chị. Đơn giản, hồn nhiên vô tư hơn cây cỏ. Đó là cái mà chúng tôi không có làm đôi khi tôi hơi ganh tỵ mỗi khi nghe tiếng chị cười giòn tan qua điện thoại hoặc mỗi khi con chị cho biết... Mẹ con đi Thái Lan, đi Hà Nội chơi rồi... Sao chị sướng thế nhỉ. Cái phần thưởng Trời Đất dành cho chị lúc cuối đời thật là đẹp đẽ, tốt lành. Bởi chị sống tốt lành.

Chị cả đi lấy chồng thì cứ theo thứ tự từ trên xuống dưới. Con em kế tiếp những công việc chị thường làm là tôi. Nhà thì đông, chỉ có một u già theo bố mẹ từ Hà Nội vào Nam. Mẹ tôi giao hết công việc cho u già và chị Yến. Bà không hề làm một việc gì dù là xuống bếp lo nấu nướng cho bố tôi. Bà giao cho tôi 70 đồng đi chợ mỗi ngày. Trưa 4 món, chiều 4 món khác nhau. Trời đất ạ! tôi đã có đi chợ mua bán bao giờ. Cái lần đi chợ thiếu điều còn muốn to hơn tôi nữa và không bao giờ tôi quên được cái cảm giác lần đầu tiên bước chân vào chợ một mình. Tôi cứ loay hoay vẽ lại trong trí nhớ những món ăn mà chị Yến và u già đã nấu... Canh dưa chua thì phải mua những gì, cà bung rồi thịt đông cần gì. Canh bầu canh bí, rau muống luộc hay xào. Đậu nhồi thịt rán hay đậu rán om cà chua.... cái đầu nhỏ xíu của tôi phải làm việc dữ dội để tránh khỏi bị đờn nếu không làm đúng những điều mẹ tôi dặn.

Lúc đó tôi học trường Cầu Kho. Trường cứ theo tuổi sắp lớp không hề khảo sát trình độ của học sinh, có lẽ họ nghĩ con nít không cần thiết, nên tôi vào ngay lớp nhì. Buổi sáng dậy sớm xách làn đi chợ, về giặt hai chậu quần áo, phơi phóng xong, ăn cơm rồi đi học buổi chiều. Nói là đi học chứ thực tình, tôi có học được cái gì. Lễ đơn giản là tôi không có căn bản, tôi chẳng hiểu gì. Thầy giảng cứ giảng, tôi ngồi như vịt nghe sấm, chờ tới

giờ về. Người anh thứ hai của tôi kể chị Yến, hơn tôi 2 tuổi, học trường Văn Lang. Anh Sơn cũng là người thông minh, thích nhạc, thích vẽ, mê nhảy đầm và nhiều bạn. Bạn của anh cũng tự nhiên trở thành bạn của tôi. Anh đưa về các anh Nguyễn Đức Nam, anh Đình Bù Loong (thân phụ của ca sĩ Diễm Liên), anh Nguyễn Ngọc Kiểm tức anh Ngọc Hoài Phương bây giờ. Trong tất cả các bạn của anh chỉ có anh Ngọc Hoài Phương là được bố mẹ tôi cho vào nhà, coi như con ruột. Còn những người khác, đang ngồi chơi, nghe tiếng xe của bố tôi là ù té chạy hết. Do đó, ngay từ nhỏ, tôi đã xem anh Ngọc Hoài Phương như anh ruột của mình. Anh gọi tôi bằng “chú” và tôi cũng gọi anh như vậy.

Tôi trượt tiểu học, khỏi nói cũng có thể hiểu được sự thất vọng và giận dữ của bố mẹ tôi. Có học được gì đâu mà đậu. Thầy giáo cứ giảng, tôi cứ ngồi đó lằm nhằm thơ Nguyễn Bính, hát thầm trong bụng cho đến hết giờ. Ngày đi thi cũng thế, tôi nào có tha thiết gì đến chuyện học hành, thi cử, vì vậy sau cuộc thi tiểu học, tôi vẫn đi học nhưng không thi cử gì nữa hết. Tôi đi học là bởi muốn đi ra khỏi nhà để khỏi phải nghe những lời mắng nhiếc của mẹ, cái nhìn hằm hằm giận dữ của bố, tránh những ngọn roi, những cái tát, những chiếc giày đập túi bụi trên đầu trên cổ tôi. Mẹ gọi tôi vào nội trú trường Thánh Mẫu cũng chỉ được chưa gần một năm đã bị trả về vì tội leo trường trốn đi chơi với một trong những người bạn của ông Ngọc Hoài Phương. Hoàng là người tôi thích và cũng là người viết cho tôi những lá thư tình đầu tiên. Bao nhiêu thư mở đầu bằng hàng chữ “Bé Mai”. Tôi giao cho ông anh Ngọc Hoài Phương cất giữ. Mẹ bắt tôi vào nội trú chỉ vì một lần bố tôi bắt gặp Hoàng và tôi đi bộ với nhau trên đường Võ Tánh. Ông nhảy xuống giáng cho tôi một bạt tai giữa cái nhìn kinh sợ của Hoàng và những người đi đường. Kết quả bao giờ cũng thế thảm với sự đốc thúc của mẹ tôi.

Tôi không nghĩ là mẹ thích thú khi thấy con mình bị đánh đập nhưng có lẽ bà khó chịu đựng được cái nét lì lợm của tôi. Mắng chửi, tôi cãi lại. Đánh đập, tôi không khóc. Bất xin lỗi, tôi không mở miệng mà ý muốn của mẹ tôi gần như là ý Trời, không đưa nào trong nhà dám làm người lại lời bà phán, kể cả bố tôi. Mẹ không thấy được sự trưởng thành quá sớm của tôi từ cái chết của người Cha mà tôi rất mực tôn thờ. Bà không muốn tượng ra được sự việc đó lại ảnh hưởng đến tôi nặng nề như vậy. Mẹ không đọc được những suy nghĩ trong đầu tôi, một đứa bé mồ côi cha luôn luôn mong ước được sự vuốt ve âu yếm của Mẹ, để bù lấp nỗi thiếu thốn lớn lao nó đã mất vĩnh viễn. Mẹ lại càng không đọc được trong tim tôi một nỗi hờn ghen uất nghẹn không thể nói thành lời. Tôi vẫn thương Mẹ, thương các em, một tình thương chân thật. Chị em chúng tôi sống từ đó cho đến bây giờ không hề có sự chia biệt nào. Tất cả đều sống cùng một mái nhà, có cùng một người mẹ. Song mẹ tôi dường như quên hẳn sự có mặt của tôi trong đám con đông đúc của bà. Suốt một đời tôi thèm khát vòng tay ôm ấp và những lời nói triu mến của một người Mẹ. Tôi thèm tình thương, và phải chăng những bi thảm của đời tôi, bắt đầu từ sự thèm khát bình thường tội nghiệp này.



Sau trường Thánh Mẫu, tôi đổi trường liên miên. Một năm trường Việt Tiến. Một năm trường Hưng Đạo. Một năm Nguyễn Bá Tòng. Tôi không phải đi bộ hay đi xe bus. Bà nội mua cho tôi một chiếc xe đạp mà tôi luôn luôn chạy giữa đường chứ không bao giờ đi vào lối dành cho xe đạp. Đùng một cái, chiếc xe bị mất. Nó bị ăn cắp chứ không phải tôi sơ ý. Mẹ tôi bảo...mày cứ chờ đấy, bố mày về rồi mày sẽ biết. Tôi quỳ giữa nhà, bố tôi cầm chiếc giày của ông đập túi bụi vào tôi. Mẹ tôi ngồi nhìn tôi bị đánh, thản nhiên, thỉnh thoảng thêm vào ... đánh nữa đi, đánh cho nó chết, cho nó chừa đi, mất xe thì mày đi bộ, không có tiền đâu mà mua xe khác cho mày... Bố tôi vừa đi làm về mặt đỏ bừng vì rượu, được lời của mẹ, ông túm lấy tóc tôi, xoắn lại, tay kia tiếp tục giơ cao chiếc giày. Tôi đau quá nhưng lạ lùng làm sao, tôi không hề khóc. Tôi khóc không được vì nỗi oan ức và nghĩ xe của bà nội cho và nào tôi muốn làm nó mất. Trong trái tim

non dại của tôi chợt vang lên.... Bố ơi! Bố ơi! Bố ở đâu... và tôi cảm thấy một nỗi căm phẫn chưa từng có bùng lên. Anh Sơn và các em tôi chẳng đưa nào dám nói một câu, chắc chúng không hiểu vì sao tôi bị đánh như thế. Chúng còn quá nhỏ và chưa hề bao giờ bị đòn.

Tôi thường lẩn vào đâu đó để khóc một mình sau mỗi trận đòn. Càng bị đánh tôi càng lì đòn, không sợ nữa, không cảm thấy đau đớn nữa. Căm phẫn, tủi thân, tôi cứ làm những gì tôi thích trái ngược hẳn với ý muốn của mẹ. Anh Sơn và các bạn anh đi chơi, đi “Bal Famille”, tôi bu theo. Chẳng cần ai dạy, tôi nhảy rất giỏi, nhất là nhảy “be bop” nên thời đó bạn bè gọi tôi là “Mai bộp, Mai đen, Mai chân voi”. Tôi bắt cần dù sau mỗi lần trốn nhà đi chơi là lại lãnh một trận đòn nhưng anh Sơn tôi thì không bị gì cả. Thời đó đi nhảy như một cách biểu diễn những bước nhảy mới chứ không hề có sự lợi dụng trai gái. Và lại, mọi người đều xem tôi như một thằng

con trai và tiếng nhạc trong những lần khiêu vũ đã làm thức dậy nỗi đam mê ca hát tưởng đã chết trong những ngày tháng buồn bã. Lúc đó tôi chỉ mơ hồ cái cảm giác thích được hát thôi. Mẹ tôi bị đau nhức tay chân, ngày nào tôi cũng đắp chân cho bà và trong những lúc ấy, bà hay cho chạy những đĩa nhạc Tango. Tôi đắp chân cho mẹ giờ này qua giờ khác, ngày này qua ngày khác. Mẹ tôi không hết nhức mỗi nhưng điệu nhạc Tango đã chui vào đầu tôi, đến nỗi những lúc mỏi tay quá, tôi đắp cho bà theo nhịp điệu Tango.

Anh Sơn biết tôi thích hát. Anh không ngăn cản mà hầu như tạo cơ hội cho tôi. Chính vì thế mới có những lần ở vũ trường Đồng Khánh, tôi dám leo lên sân khấu và từ ở đó, tôi nảy ra ý định tìm cho mình một cái tên. Tôi vốn mê đọc truyện từ nhỏ, nhất là Tam Quốc Chí và Đông Chu Liệt Quốc. Từ những chuyện đó, tôi tìm được 2 nhân vật Khánh Kỳ và Yêu Ly. Cái tên Khánh Ly có từ lúc đó....

5.

Từ thuở hồng hoang, thú vật đã biết tìm cho mình những hang ổ để sống. Là người, ai lại không muốn có một mái ấm gia đình, anh chị em quây quần yêu thương nhau, lẽ dĩ nhiên vẫn hơn những kẻ lạc loài không mái ấm tựa nương. Dẫu cho rằng tôi không thể yêu thương Bố Dượng như Bố ruột, nhưng nếu ông coi tôi như những đứa con của ông, điều đó sẽ an ủi tôi biết bao nhiêu. Với các em tôi, tôi yêu chúng, hay nói đúng ra, chúng tôi thương nhau như chị em cùng cha mẹ. Chúng còn nhỏ, chưa biết gì và ngay cả khi hiểu biết, chúng tôi cũng không hề phân chia... Bố chị... Bố em... Cũng chẳng bao giờ tôi quên ơn Dượng. Ông và Mẹ tôi cho tôi đi học trường hoàng nhưng... lỗi tại tôi mọi trường... Phần còn lại, tại ai, tôi không biết và chữ nghĩa đối với tôi như chuyện thần thoại, một điều không có thật.

Một năm nội trú trường Thánh Mẫu, tôi chỉ nhớ tên một người bạn, đó là chị Lài – đã lấy chồng và đi Pháp từ lâu – một chị nữa hiện là nữ tu, tôi vô tình gặp lại trong chuyến đi Vatican 1998. Phụng Hoà học chung với tôi ở Hưng Đạo. Em trai là Phùng Thuận vừa mất tại Cali. Ở nội trú, lễ Misa được lập lại như những năm tôi học ở St. Marie. Cũng 5 giờ sáng, chỉ khác là quần áo tùy tiện và không có mũ. Đặc biệt là không có cái món... cút trâu rau dền nghiền nát trộn bơ. Mỗi tuần được ăn phở một lần. Bây giờ nghĩ lại, tôi nhớ cái câu... Phở không người lái. Tức là cách đây mấy chục năm, tôi đã được ăn phở không người lái... bằng đĩa. Hơi sâu chứ không phải tô, với nước và chùng... chục sợi bánh. Tôi đi trước Việt Cộng với Xã Hội Chủ Nghĩa nhiều năm.... Tôi không buồn vì trường mới di cư, tiền học phí thấp nên ăn uống có phần giản tiện. Một con tôm kho có thể ăn hết bữa cơm vì nó mặn như một... kho muối.

Tôi được vào nội trú là vì cái người con trai đã gọi tôi là... Bé Mai.... Mẹ bảo... để nó ở ngoài, nó phển bụng ra lúc nào không biết.... Tôi chẳng hiểu vì sao và thế nào là phển bụng. Phải chi Mẹ chỉ bảo cho tôi tường tận, như tôi và các con tôi bây giờ, thì đã không thành chuyện và cuộc đời tôi nó sẽ khác, phải khác đi nhiều. Đã không học được, không muốn học, nên ở nội trú mà tôi... quậy... tới bến. Bài không học, không làm, còn trộm mền soi đèn pin đọc thơ Nguyễn Bính, đọc tiểu thuyết. Gần hơn nữa là đã dám trèo tường đi chơi với Đạt. Ngay khi đưa tôi vào xin ở nội trú, Mẹ tôi đã tường trình đầy đủ những nét xấu và lì lợm của tôi, thế cho nên các sơ chú ý đến tôi nhiều lắm và hành động leo tường trốn đi chơi là giọt nước đã làm tràn ly nước. Lỗi của tôi. Một lần lỗi không thể khoan nhượng và lần này không phải là giầy mà là củi tạ. Tôi không có lý do nào để bào chữa cho mình và chấp nhận trận đòn đau đớn hơn cả những lần trước. Mẹ đánh tôi là phải là đúng.

Đạt chỉ là một trong những người bạn của anh tôi. Ở tuổi đó, tôi chưa biết thế nào là yêu, thế nào là tình yêu. Chỉ thấy đi chơi là vui là đi, nào đã có vấn đề trai gái. Tôi có chung với anh tôi rất nhiều bạn, toàn là bạn trai. Đạt đẹp trai, học rất giỏi tôi thích, nhưng đó không phải là tình yêu bởi tôi mới 14 tuổi, ham vui, ham đấu láo và bị ảnh hưởng rất nhiều bởi những bài hát, bài thơ tôi thuộc nằm lòng thay vì những bài học trong trường, mà dù cố gắng, tôi cũng chẳng thể nào nhét chúng vào đầu. Những bạn bè nào học chung với tôi, nếu còn sống đều biết rõ tôi là đứa học trò tồi nhưng là người có những bài thơ tuyệt vời của Nguyễn Bính và biết hát.

Tôi vẫn được đi học, vẫn đi chợ mỗi ngày, vẫn giặt quần áo và làm việc nhà kể cả công việc... đắp chân cho Mẹ là điều không thể thiếu được. Kể ra, nếu mọi chuyện cứ như thế tiếp nối nhau ngày qua ngày, tháng qua tháng, năm qua năm, đời tôi không biết sẽ như thế nào. Chắc lại lấy chồng, đẻ con và đau khổ như chị Yên thôi nhưng số tôi hình như được sinh ra dưới một ngôi sao xấu nhất trong các ngôi sao xấu, để luôn luôn nhận lãnh những oan khiên, tủi buồn lúc nào cũng chờ chực sẵn. Những chuyện chẳng đáng gì, dính vào tôi bỗng thành lớn chuyện – hình như đến bây giờ... cũng thế – không phải tôi hỗn láo, lì lợm không biết nhận lỗi,

không biết phải trái nhưng tôi luôn luôn cúi đầu nhận lãnh một hình phạt bởi tôi nói ra không ai tin. Riết rồi tôi trở nên nhẫn nhục, im lặng nhận chịu những trận đòn, những lời đay nghiến, đôi khi độc ác của Mẹ dù tôi cố gắng tin rằng thâm tâm Mẹ không hề muốn nói ra và Mẹ cũng thương tôi vì chính Mẹ đã sinh ra tôi – niềm tin này đôi khi bị lung lay bởi nếu tôi cũng là con do Mẹ sinh ra, sao Mẹ lại không hề thương cho những trận đòn tôi phải chịu và sao Mẹ lại nở nói với tôi những lời cay nghiệt ấy – Vậy thì thân phận của tôi ra sao, như thế nào. Sau này, có lúc tôi hỏi... Mẹ nói thật đi, con có phải là con của Mẹ hay Bồ Viễn... mang con về cho Mẹ nuôi... Mẹ tôi không trả lời.

Bà Nội tôi ở một mình trong một căn nhà khá rộng trong ngõ 20 đường Phan Thanh Giản. Bà ở trên gác, dưới nhà cho mướn. Ngoài đường, bên trái là tiệm ảnh Mạnh Đan, bên phải là Bệnh Viện Bình Dân và Cư Xá Đô Thành – sau này, ông Đồng Lâm và cô Thanh Nga về ở đây – Bà tôi vẫn ở một mình từ hồi Di Cư, bà tiếp tục chơi hụi, bà nấu xà phòng xà, nấu cao ban long. Tôi chả biết bà chơi hụi hay buôn bán với những ai nhưng vẫn áo the đen, răng đen, bà cuốn tóc đi từ sáng đến chiều. Câu Bà thường nói... Giời ơi, nắng đến... há mồm ra... và,... Này, rồi còn đời các anh, các chị nữa. Không khéo ăn khéo ở thì rồi... biết đời nhau ngay... Mẹ tôi rất ít đến thăm Bà vì ngày xưa Bà đã cố ngăn cản, chống đối việc Bồ Mẹ tôi lấy nhau. Rồi giờ Mẹ tôi đi thêm bước nữa, cái hố sâu ngăn cách giữa hai người còn bằng ngàn lần con sông Bến Hải. Tuy vậy ngày giỗ Bồ, Mẹ tôi đưa tất cả chúng tôi đến Bà, chẳng có phân biệt, ranh giới nào giữa chị em chúng tôi. Chính bà Nội mua cho tôi cái xe đạp, rồi vì bị ăn cắp mà tôi nhớ đời trận đòn... mưa giầy của Bồ tôi.

Một buổi chiều đi học xong, cái răng cấm của tôi đã hư và sưng tấy lên, đau quá, tôi đi thẳng đến Bệnh Viện Bình Dân xin nhỏ – Bồ tôi có quen cô Yến, y tá trưởng ở đây – nhỏ xong tôi choáng váng mặt mày, đi bộ qua nhà Bà nằm nghỉ thì Mẹ tôi đến mắng chửi tôi và làm dữ với Bà tôi – chẳng hiểu vì sao – Tôi cố gắng giải thích lý do, Bà cũng nói vào cho tôi, vậy mà cơn giận của Mẹ mỗi lúc một dâng cao. Sau cùng, có lẽ vì nhịn quá lâu nỗi đau mất con, mất cháu, Bà tôi mát mẻ... Thôi chị ạ, tôi chỉ có một đứa con, giờ nó mất rồi, còn lại mấy đứa cháu, nếu chị không nuôi thì tôi nuôi... Thế là xong. Mẹ tôi đồng ý ngay không một giây suy nghĩ. Bà về nhẹ nhõm. Bà Nội tôi, ngờ vậy nhưng cũng không phải là người ai bắt nạt cũng được dù Bà chỉ biết ký cái tên của Bà. Bà giỏi lắm và biết lo xa. Cái giường Bà nằm là cổ hậu sự. Bà đã mua ngay khi mua nhà, tối Bà ngủ trên đó, tôi nằm dưới đất cạnh cầu thang cách chỗ Bà nằm một cái bàn nhỏ. Gian gác bên cạnh Bà cũng cho người thuê. Đêm nào Bà cũng đọc kinh Phật và tôi ngủ ngon trong giọng đọc đều đều của Bà mà không hề thắc mắc là Bà không biết đọc, tại sao Bà thuộc nhiều kinh thế.

Nhà tôi ở giữa ngõ tức là ngõ có đường vào và trở ra một lối khác. Cách nhà vài căn là nhà anh Liêm với 3 người em trai và ông bố già, trước có trồng một cây đu đủ... được – tức không bao giờ có trái – Tôi còn nhớ anh Liêm, Tín, Dương và Trực – đã chết trận – còn anh Liêm thì hình như vào Không Quân. Cả ông cụ và 4 anh em rất thương tôi, từ 4 anh em này, tôi quen biết Lê Nguyên Hải và Dũng lai Pháp, quen thêm Hạnh, người đẹp mà không hiểu sao các anh gọi là Hạnh Lìn – tức là nhỏ – nhà Hạnh ở con đường nhỏ song song với đường Cao Thắng (sau này Hạnh là vợ của nhạc sĩ nổi tiếng Trường Hải). Nhà của Đạt cũng nằm trên con đường Phan Thanh Giản. Đạt đang chờ giấy tờ đi Mỹ, tôi vẫn đi học, để làm gì chẳng biết. Đạt bảo... khi nào học xong, anh sẽ về cưới em... Tôi chỉ cười và lại đưa hết thư tình cho bác Ngọc Hoài Phương cất giữ... Người ta nói vậy thì cứ biết vậy. Sau đó Đạt đi Mỹ và hình như chẳng có lá thư nào của Đạt gửi cho tôi, về địa chỉ nhà Đạt.



Tôi hay bu theo đám bạn con trai. Đi nhảy đầm... ké, vì đôi khi những nhà giàu có, dân trường Tây tổ chức bal famille tại nhà hoặc ở cercle, làm sao chúng tôi được mời. Ấy thế mà cũng mò vào được cả đám. Băng chuyên nhảy biểu diễn của chúng tôi có thêm Khánh, vua BeBop ở Tây về, có biết thêm Nguyễn Thế Hùng, Nguyễn Thế Khanh tiệm vàng Nguyễn Thế Tài và mấy người con bên tiệm vàng Nguyễn Thế Năng. Nhảy đầm thời đó là nhảy biểu diễn, lầy hay lầy đẹp chứ không có chuyện lợi dụng nhau nên những cuộc nhảy với dân nhà giàu, chọn lọc thật vui. Tôi biết nhảy tự... mình ên, không ai dạy cả và bị đòn bằng củi tạ cũng nhiều vì cái vụ bỏ nhà đi nhảy. Cái tật ham vui phải trả những giá thật đắt. Thường là thế. Nhảy tại gia chưa đủ, tới vũ trường luôn và chính cái lúc tôi biết thế nào là vũ trường, Lê Nguyên Hải... tỏ tình với tôi dưới cây đu đủ được nhà anh Liêm. Đạt đi rồi, mọi người coi tôi như một thằng con trai, thế nên khi Hải ôm tôi – nhẹ thôi – tôi quả có thấy trái tim tôi đập nhanh hơn và có cái gì là lạ

chạy trên da thịt tôi. Thật ra, tôi có chú ý đến Hải hơn các bạn khác nhưng vẫn không hiểu vì sao, chỉ biết không gặp, thấy nhớ nhớ, mong mong. Gặp rồi thì vui nhưng vẫn không biết “nó là cái gì và vì sao”. Chúng tôi một bầy con nít chơi với nhau, đã có đứa nào biết yêu hay có bồ đâu. Tôi thích Hải. Anh học giỏi, hát hay và nhảy đầm cũng không thua ai. Năm đó là năm thứ nhất Hải vào trường Dục.

Khiêu vũ trường Đồng Khánh là nơi đầu tiên tôi tới để nhảy và ở đó, tôi nghe nữ ca sĩ Mai Ly hát. Tôi không còn nhớ mặt chị, chỉ mang máng là dưới ánh đèn mờ ảo, chị Mai Ly xinh đẹp và hát hay. Thế rồi trong một lúc hứng thú, lại được các bạn khuyến khích, tôi trèo đại lên sân khấu và xin với ban nhạc cho tôi hát bài “Con thuyền không bến” của nhạc sĩ Đặng Thế Phong. Giám đốc, ban nhạc coi tôi như một người khách nổi hứng bất tử nên chẳng ai thắc mắc. Nhiều lần sau đó, chúng tôi kéo nhau đến nữa và lần nào tôi cũng leo lên hát. Nào là “Lá thư” nào là “Chiều vàng” nào là “Gửi gió cho mây ngàn bay” cũng chẳng ai thắc mắc gì cho đến một đêm cảnh sát ruồng xét và phát giác ra tôi mới... gần gần 16 tuổi. Tôi được vào ngủ trong đời lần đầu tiên trong đời ở Tổng Nha Cảnh Sát. Ngày hôm sau, Bố tôi vào ký giấy tờ lãnh tôi ra. Tới công, ông quay sang tặng tôi một cái tát trời giáng, thấy mấy trăm ông trời rồi lên xe bỏ đi. Tôi đi bộ về nhà, mặt tỉnh queo. Sau đó, ông và Mẹ tôi nói thẳng... Muốn đi hát thì đừng bao giờ về nhà vì nhà này không có... mà làm ca sĩ.

Tôi vẫn vô tư, hồn nhiên vì đã có Bà Nội nhưng chính Bà cũng không muốn thấy tôi đàn đúm với một đám con trai. Bà cũng la mắng tôi đều đều như khi bà... tụng kinh vậy và Bà lại càng không hiểu... ca sĩ là cái gì. Mà cũng đáng tội, tôi chưa chính thức bồ bịch với ai trong đám bạn trai trời đánh của tôi ngoài Hải là người tôi mới hơi... mong chờ. Đám bạn trai của anh Sơn tôi thì người nào cũng thương tôi và xem tôi như một đứa em trai. Ấy vậy mà rồi Hải và tôi, cả hai đứa chưa kịp nói một tiếng yêu, Hải đã bỏ trường Dục gia nhập binh chủng Không Quân. Cũng như Đạt, Hải hẹn tôi ngày tôi ra trường và chúng tôi hồn nhiên nhìn một Lê Nguyên Hải hào hoa, học giỏi, hát hay, nhảy đẹp đi vào cuộc sống quân ngũ. Thỉnh thoảng chúng tôi vẫn gặp nhau, tụ họp nói dóc và đi nhảy đầm. Cũng là dịp biểu diễn cho Hải nghe. Thời đó tôi cũng đã biết hát nhạc ngoại quốc như Crazy Love – You are my special Angel – Put your hand on my shoulder – Only you và Unchained Melody, tiếng Tây thì Ma vie – Non Je ne regrette rien – Sur le chemin de ta maison – Hải gọi tôi là Connie Francis. Thời gian này, tôi quen biết nhạc sĩ Tùng Giang ở khiêu vũ trường Đồng Khánh....

... Đầu Đông, Đà Lạt thật tuyệt vời. Bà chủ Night Club là một bà già gốc Hoa. Có lúc bà cay nghiệt nhưng cũng có lúc dễ thương, thông cảm với cuộc sống của các chị vũ nữ làm việc với bà vì nhiều người vào nghề vì hoàn cảnh gia đình. Có chị ngày đi học, tối làm vũ nữ, có nhiều chị chồng đi lính xa, phải nuôi cha mẹ già và một bầy con. Tối đến, dưới ánh đèn mờ ảo của vũ trường, chị nào trông cũng lộng lẫy vì thực sự ngoài đời, các chị là người đẹp chẳng may trời bắt nghèo. Nhưng cái nghề này, theo tôi là một nghề lương thiện. Làm vũ nữ không có nghĩa là... đi đêm với mọi người. Không ai bắt các chị làm điều đó đâu đó là bà chủ, cho đâu người khách đó là triệu phú. Ngoại trừ trường hợp các chị để lòng yêu thì đó là quyền riêng của các chị. Giới giang hồ thường có mặt theo yêu cầu của bà chủ, để bảo vệ cho chúng tôi và nhà hàng trong những trường hợp khách say sưa, quậy phá đánh lộn. Chúng tôi trở thành một nhóm, coi nhau như anh chị em trong nhà. Tuy họ giang hồ, tuy các chị là vũ nữ nhưng tất cả, theo cái nhìn và sự hiểu biết của tôi, họ là những con người trọng tình, trọng nghĩa gần gần giống tinh thần Lương Sơn Bạc nhưng họ không phải là những tay giết người, không chơi gác kẻ yếu thế, bênh vực người, che chở người yếu đuối. Họ cũng là người có học, trường Tây có, trường Ta có. Tôi giành được sự chăm sóc của các anh chị trong suốt những năm tháng ở Đà Lạt. Một bài học. Một kinh nghiệm rất đáng trân trọng cho cuộc sống. Kinh nghiệm đó sẽ được sử dụng như thế nào, theo chiều hướng nào. Đúng là một bài học tốt cho tôi.

6.

Tất cả những sự việc đã xảy ra, đã qua. Tất cả những khuôn mặt đã xa khuất mặt mù. Tất cả những gì gọi là hạnh phúc hay nỗi đau của một thời nào đó, chúng ta không còn nhìn thấy, tìm lại được. Tôi gọi đó là kỷ niệm. Tôi không có quá khứ, dĩ vãng như mọi người thường đề cập tới. Tôi chỉ có kỷ niệm và đó là tất cả gia tài tôi cuu mang cho đến một ngày nào đó.

Cái gì không còn nhìn thấy, không còn sờ tới được, dấu chỉ một vài giây đồng hồ trước. Duy chỉ có kỷ niệm là bất biến. Nếu trong cuộc sống có một điều gì đó không thể thay đổi được thì đó là kỷ niệm. Những sự việc, những con người, đẹp có, xấu có đã bỏ chúng ta mà đi. Tuổi trẻ đã bỏ chúng ta. Mầu trong của mắt. Mầu xanh

của tóc. Màu hồng của môi. Đã bỏ chúng ta. Lạnh lùng, tàn nhẫn và hồn nhiên.



Ở tuổi ba mươi, bốn mươi hay đã bước qua ranh giới nửa đời người như tôi hiện nay. Kỷ niệm không hề phai pha theo ngày tháng. Mỗi ngày qua, chân bước tới gần cái cõi đi về. Tôi càng thấy gắn bó với kỷ niệm, như chỉ có kỷ niệm bây giờ mới trọn vẹn là của riêng tôi, như chỉ có những người đã xa đời, mới thuộc về tôi mãi mãi. Vì một lẽ nào đó, tôi thường “sống” với người đã khuất nhiều hơn, trân quý hơn, yêu thương và cảm thấy yên tâm hơn, được an ủi chia sẻ nhiều hơn. Ai đã từng trải qua nhiều ngang trái nghịch cảnh, cay đắng oan khiên, sẽ hiểu vì sao tôi có nhiều cái... khác người.

Mỗi người một cách sống là điều tự nhiên từ ngàn xưa. Ôi, khi ta đói, kỷ niệm có cho ta no. Khi ta lạnh, kỷ niệm có làm cho ta ấm. Khi ta nghèo, kỷ niệm có làm cho ta khá hơn. Có nhiều người nghĩ như vậy và họ nghĩ đúng. Kỷ niệm không là miếng cơm manh áo hay tiền bạc trong đời sống. Kỷ niệm đẹp đẽ hơn, cao hơn, thiêng liêng hơn. Kỷ niệm làm đời sống chúng ta thăng hoa trong sáng và thánh thiện. Tôi thật tình tiếc cho những ai coi thường kỷ niệm hoặc có mà không biết giữ. Những người đó, tâm hồn mới nghèo nàn làm sao. Chúng ta có thể dời núi, lấp biển nhưng bản tính con người là điều không bao giờ thay đổi. Thật đáng tiếc.

Có nhiều đêm chợt thức giấc nhìn ra vườn, vàng trăng tròn tỏa ánh sáng soi rõ từng ngọn cây, khóm cỏ giống hệt như một đêm trăng quê nhà cũng trong một khu vườn nhỏ, có những kẻ quên đời sống quanh mình, cùng nhau uống rượu, ngâm thơ đàn hát dưới “nắng khuya”. Những đêm nằm nghe mưa buồn rào rạt, chợt nhớ những chiều mưa xưa cùng theo nhau ra quán ngồi, im lặng bên nhau nghe những giọt cà phê tí tách rơi, im lặng bên nhau nhìn người người, ngựa xe ngược xuôi. Những giây phút im lặng đã nói với nhau biết bao điều không thành tiếng. Buổi sáng cây cỏ còn lấp lánh sương mai, im lặng đi bên nhau dưới hàng thông từ bao năm reo mãi những điệu nhạc vi vu buồn bã bên mặt nước cầm nín chứa đựng bao nhiêu nỗi niềm.

Buổi trưa trời cao xanh thẳm, nắng đuổi nhau theo gió trên thảm cỏ quen, có cây đàn nằm thênh thang lắng nghe bước chân nhẹ nhàng lúc xa, lúc gần của hai kẻ quên đời. Chiều có mưa bụi dăng dăng qua thành phố, quán cà phê vắng, hương cà phê thơm lừng, vẫn chỉ hai người khách quen ngồi đó, im lặng bên nhau. Có gì quan trọng đâu. Không, không có gì cả, có nhau là điều đáng nói và họ đã có nhau trong suốt cuộc đời.

Đà Lạt đẹp. Đà Lạt hiền. Đà Lạt thơ mộng. Đà Lạt bao dung. Đà Lạt thủy chung. Định mệnh khởi đi từ một nơi như thế. Tại sao không là Sài Gòn. Tại sao không là Huế. Không, Sài Gòn và Huế không phải là Đà Lạt. Không bao giờ nên mọi sự phải khởi đi từ đó. Một sự tình cờ, mà ngẫm lại thì không đúng, không phải. Rõ ràng là sự sắp đặt của cái mà chúng ta gọi là Định Mệnh. Một người lưu lạc từ sông Hồng, một người rời xa sông Hương để gặp nhau vào một đêm có mưa và gió đầy trời, ở cái thành phố nhỏ bé, nhìn ai cũng là bạn. Cái thành phố đó nếu bạn đến một lần là sẽ nhớ mãi. Đến rồi không muốn rời đi. Đi rồi lại muốn trở lại. Nhưng đó là Đà Lạt của 40 năm về trước, một Đà Lạt hiền lành như ngô khoai, trong sạch đẹp đẽ thơm như hoa hồng nhưng, ngọt ngào như chuối La Ba và thủy chung như những hàng thông thẳng đứng suốt đời chỉ reo mãi một khúc nhạc hiền hòa.

Là một người sống đời ca hát, có dăm ba mối tình lớn, tình con, chân đã đi mòn mỗi trên quê hương, rồi năm châu bốn biển, đã gặp gỡ cả triệu người. Mưa bão cũng đi. Nắng gió cũng đi. Đi đến không còn biết mình đi đâu. Không cần biết vì bốn biển là nhà, nhìn đâu cũng thấy quê hương, nhìn ai cũng là anh, chị em, chắc chắn những người cùng một kiếp sống như tôi, phải có nhiều điều để nhớ mà tôi gọi là kỷ niệm. Qua một cánh rừng, ngang qua một cây cầu. Dừng lại ở một góc phố. Ngồi xuống uống một ly cà phê nơi quán nhỏ ven đường, thậm chí nhìn từng ngọn cây, bụi cỏ bên lề, lòng tôi cũng xao xuyến xót xa. Có lúc bàng hoàng ngẩn ngơ, tưởng chừng như trong một cơn mơ, tưởng chừng một khuôn mặt, một dáng người thương yêu, thấp thoáng đầu phố, tưởng chừng như chỉ cần đưa tay ra những ngón tay tháp bút gầy guộc quen thuộc kia chạm vào tay mình. Nhưng rồi tôi hốt hoảng đến bật khóc vì trong tay tôi, chỉ có bàn tay lạnh giá của chính mình và góc phố kia chỉ là một khúc quanh hiu quạnh.

Nhiều khi ngồi một mình, lòng trống rỗng, đầu trống rỗng. Tôi không thể nghĩ đến bất cứ một điều gì. Đường

như trái đất đã sạch trơn, chẳng còn gì hoặc là tôi ngồi đó nhưng hồn tôi không còn ở trong tôi. Một cái xác, một người chết và đối với người chết, không có vấn đề gì được đặt ra vì sẽ không có câu trả lời. Người chết không biết nói. Nhưng lại có những lúc tôi vùi mặt vào gối khóc nức lên từng hồi. Lòng nặng trĩu những kỷ niệm đớ đau không hề phai nhòa theo thời gian. Nghĩ đến người này, người kia, nghĩ đến đời mình, tim muốn vỡ ra trăm ngàn mảnh. Cũng nhiều đêm tôi nằm chong mắt nhìn bóng đêm vây phủ, nước mắt lặng lẽ rơi. Cứ thế cho đến lúc thiếp đi. Tôi đã hiểu thế nào là khóc lẻ loi một mình.



Tôi cũng có những niềm vui chứ không phải lúc nào cũng ôm mối sầu thiên thu ấy. Gia đình tôi tương đối là bình yên về mọi mặt. Không có những nặng nề giận hờn. Cả hai vợ chồng đều đứng trên đỉnh dốc của đời, một cuộc đời quá nặng nhọc mệt mỏi mà cả hai đều nhận thức được, đều nhìn thấy những chịu đựng cam nín của nhau, cùng cố tránh cho nhau những muộn phiền nếu cảm thấy mình có thể gánh vác được. Vợ chồng về già nếu có thể sống với nhau đến già, có thể trở thành hai người bạn. Đây là một điều tốt vì có nhiều điều, vì là vợ chồng, sẽ không thể chịu đựng nổi, nhưng nếu là bạn, sự việc sẽ đơn giản hơn khi có thể nói với nhau tất cả những điều tưởng không thể nói được, có đôi lúc tôi tâm sự với bạn một vài điều riêng. Song đó là

chuyện của mười năm về trước, giờ đây chúng tôi sống đúng là đôi bạn già, nhưng tựa nhau lúc chiều tối. Còn cái gì mà phải giấu giếm nhau ở tuổi này. Duy có một điều, kỷ niệm riêng tư của mỗi người dường như vẫn là những điều riêng tư được cả hai tự động tôn trọng. Không thể chia sẻ, không thể an ủi. Rất tôn trọng.

Dĩ nhiên không phải cuộc sống chung 26 năm không có những cay đắng. Phải nói là nhiều đấy, nhưng tôi, phải, chính tôi là người quyết định, không thay đổi làm gì nữa và làm cho cuộc sống chung trở nên có ý nghĩa, trở nên đáng sống. Làm cho người này trở nên sự cần thiết của người kia. Làm cho nơi chốn này là nơi chốn để lúc nào cũng mong trở về mà không có sự sợ hãi hay vì không còn sự chọn lựa nào khác. Những kỷ niệm giữa cuộc sống chung quả có lúc làm tôi buồn tủi. Tôi không hề quên. Không thể quên, thế nhưng tôi xem đó như những thử thách, những chuyện nhỏ đời thường. Bởi cuộc đời, đâu phải lúc nào cũng cho ta sự ngọt ngào, mà nếu tôi là người đòi hỏi như thế, tôi đã tự làm khổ tôi trong 26 năm dài. Tỉnh thoảng hai vợ chồng ngồi ôn lại những vui buồn xa xưa mà tưởng như chuyện của ai đó. Dưới mái nhà này là sự bình yên bởi tôi muốn như thế.

Nếu có điều gì làm tôi đau lòng, ấy là tại tôi. Tôi muốn sống bình yên nhưng tâm tôi chưa yên. Tôi nhạy cảm quá. Tôi dễ vỡ quá, cho dù dưới mắt nhìn và sự nhận xét của nhiều người thì tôi là một người bản lĩnh, can đảm. Điều này thật ra cũng không có gì gọi là sai hay xa sự thật bởi vì nếu tôi không can đảm, liệu giờ này tôi còn sống nổi với bao nhiêu tang thương chưa giây phút nào người ngoài trong từng hơi thở. Cái gọi là bản lĩnh, can đảm đôi khi chỉ là sự dối lừa, là cái vỏ màu mè bên ngoài mà nó cũng có thể được xem như thái độ bất cần của một người chẳng mấy tha thiết đến cái gọi là ngày mai, của một người không mấy bình thường nếu không muốn nói là Điên. Thấy đời chán quá, chán đời quá, mà vẫn cứ ôm lấy cuộc đời. Là vì sao. Vì còn nhớ đến nhiều người. Vì còn nhiều người, nhiều điều để nhớ. Vì rằng đôi lúc tưởng đã quên nhưng cũng lại chỉ tự lừa dối mình mà thôi. Tôi không hề quên những điều cần phải nhớ và rồi chẳng có gì an ủi cho bằng đến một lúc nào đó như lúc này, tất cả oan khiên sẽ mở ra. Phải được mở ra, nào phải chỉ mười năm, đã 40 năm rồi đó. Nếu không phải là bây giờ, sẽ chẳng còn bao giờ nữa.

7.

Năm 1956, gia đình tôi đã ở Đà Lạt 1 năm....6 năm sau, tôi lại lên Đà Lạt tìm nơi trú thân nhưng lần này, chỉ có mình tôi.... Không có tin hay thư của Đạt. Hải đi Mỹ theo đuổi nghiệp Không Quân. Bạn bè tình không nhạt nhưng cũng chẳng còn gần gũi vui chơi như ngày nào. Anh tôi vào Thủ Đức. Bác Phương, Nam, Dũng lo đâm đầu học để may ra không phải đi lính. Cây đu đủ đực nhà anh Liêm dường như buồn hẳn đi. Nó đứng trơ trọi một mình, ngày cũng như đêm chờ đợi tiếng cười của chúng tôi. Chuyện đó không bao giờ có lại nữa. Tôi cũng trơ trọi như nó. Con ngõ dường như sâu hơn, hun hút trong ánh sáng vàng vọt yếu ớt hắt ra từ những căn nhà nhỏ thường đóng cửa sớm sau bữa cơm chiều.

Tôi mới 17 tuổi đã thành đàn bà, đã mang trong người một mầm sống không mong đợi. Lỗi của tôi...Tôi biết anh ta ở Vũ Trường Đồng Khánh. Anh ta là một người đẹp trai dù ăn nói không có duyên. Anh ta tên là Minh, dân Trường Tây gốc Đà Lạt. Gia đình Minh đảng hoàng, công giáo, điều này nhắc nhở tôi nhiều đến những ngày hạnh phúc khi học nội trú lúc còn ở Hà Nội. Mới xa Hà Nội mấy năm, tôi đã nhớ. Có lẽ tôi nhớ đến Bố tôi nhiều hơn là bởi tôi không hề tin rằng Bố tôi đã chết.... Tôi thích Minh nhưng không hề cảm thấy rung động, hồi hộp chờ mong. Không có cảm giác...đông cứng hoặc cháy bỏng, ngộp thở lão đảo, bênh bồng, tan chảy như bọt nước. Lê Nguyên Hải cho tôi những cảm giác đó dù chỉ ngồi cạnh nhau, cầm tay nhau. Hải có phải là tình yêu của tôi không. Tôi có yêu Hải không. Tôi không biết. Cũng như không biết như thế có phải là tình yêu không.

Sự lầm lỡ của tôi là nỗi đau đớn của Bà Nội - con gái không chồng lại...ôm balo ngược. Bà tôi xấu hổ. Mẹ tôi không cần biết. Riêng tôi, chẳng cảm thấy gì. Minh cũng không phải là người tệ, chơi chạy nhưng anh là lính Không Quân chuyên về Radar học tại Mỹ... Lương một anh lính hạ sĩ dù là không quân, nuôi anh còn chẳng đủ no, nói gì đến vợ con. Minh bảo sẽ đưa tôi về Đà Lạt trình diện bố mẹ nhưng rồi anh...ở tù vì tội đào ngũ. Tôi chẳng bao giờ quên những lần đi thăm Minh ở Khám Chí Hòa. Khi cái bầu 6 tháng, tôi vẫn đi hát ở Anh Vũ và chính ở đó, tôi gặp Trung Úy Không Quân Kim Cương. Sau buổi hát, anh chở anh Sơn và tôi chạy vòng vòng Sài Gòn...hát tiếp những bài tôi vừa hát, đặc biệt anh hát cho tôi nghe bài Anh đến thăm em một chiều mưa...Anh bảo...Mai chọn bài có gout lắm, cứ như thế, và anh cũng muốn em giữ mãi nụ cười. Anh thích thấy em cười vì nụ cười đó sẽ mở cho em tất cả những cánh cửa...Cuộc gặp gỡ giữa anh em chúng tôi và Trung Úy Lưu Kim Cương đơn giản như vậy. Tôi biết ơn anh vì anh là người duy nhất có cái nhìn thiện cảm với tôi. Anh là người đầu tiên và duy nhất khuyến khích tôi đi theo nghiệp dĩ này. Khi nào có gì cần, cho anh hay...Ngày tôi sinh Ly Cơ, anh nhờ người gửi cho tôi 1500 đồng với lời nhắn...mua đồ cho con...Anh không bao giờ biết tôi đã dùng số tiền đó để tiếp tế cho Minh ở Chí Hòa. Chẳng ai. Anh vào nhà thương Đức Chính thăm tôi trong bộ đồ bay. Bác Phương Kều tức nhà báo Ngọc Hoài Phương tên cha mẹ đặt là Nguyễn Ngọc Kiểm cũng vào. Chị Yến cầm cho tôi 500 nói của mẹ gửi nhưng mẹ và Bà Nội không vào. Có điều không ai biết, tôi tự động chạy xe Velosolex...đi đẽ.

Ôm con về ở với Bà Nội không phải là điều đơn giản như cái lúc Bà giận Mẹ và tỏ lòng thương cháu. Tôi không buồn được vì tôi đã gây lỗi lầm không thể tha thứ dù sau khi mãn tù, Minh đến nhận vợ con và hứa sẽ cưới hỏi đảng hoàng. Song đối với những người hàng xóm, nhất là các bạn bè cũ của Bà, tôi vẫn là đứa con gái hư hỏng. Làm sao tôi có thể cắt nghĩa rằng vì lỡ dại nên phải lấy luôn cái người đó. Làm sao tôi có thể nói rằng sẽ không còn ai dám lấy tôi vì tôi không còn cáithở tả gọi là trinh tiết. Cái thời của chúng tôi nó khó khăn như thế đó... Thậm chí có ca sĩ không dám cho mọi người biết mình có người yêu vì sợ khán giả không còn thích mình nữa. Bà Nội tìm cho tôi vú Chính để nuôi Ly Cơ. Con bé có lần ốm, sưng phổi gần chết, nếu không nhờ Bà, chắc Ly Cơ đã bỏ tôi mà đi rồi. Bởi lúc đó tôi chưa có một ý niệm, trách nhiệm làm mẹ. Yêu con thì có nhưng còn phải kiếm tiền nuôi con nữa chứ. Tôi không muốn trở lại cuộc sống khi mọi người quên mình, trong một cái phòng tối tăm, không giường chiếu trên một cái nhà sàn ở Cầu Kinh. Cơm bữa đói bữa no, tiền hát khi có khi không và đó là lý do tôi nhận lời hát cho Night Club ở Đà Lạt sau khi gửi Ly Cơ lại cho Bà.

Minh và tôi sống cuộc sống vợ chồng như mọi người. Chúng tôi ở chung với Bố Mẹ Minh. Năm sau, tôi có thêm một đứa con trai. Có người trong nhà bảo...thằng nhỏ trông giống ông...Lưu Kim Cương...Sao lại có ông Lưu Kim Cương trong này khi nhắm con mắt lại, người cũng biết Bảo Linh là con ai chứ. Tôi lại thắc mắc. Tại sao thế nhỉ. Sao không yêu mà lại... có con. Tôi sinh cu Linh ở Sài Gòn khi về nhà Bà Nội và lại một lần nữa, tôi tự động gọi taxi đến nhà thương ông Nguyễn Duy Tài. Cô y tá bảo chờ cô cho người đi mời bác sĩ về vì ông đang coi ciné ở rạp Eden. Tôi nhảy dựng lên...trời đất ơi, người ta để đến nơi rồi mà còn đi tìm bác sĩ...mặc y tá nói, tôi hùng dũng leo lên bàn để và rồi khi Bố Tài về tới, tôi đã hoàn thành thêm một tác phẩm...không chờ đợi. Nhưng dù sao chúng nó cũng là máu thịt của tôi. Không yêu chồng. Ai cấm tôi yêu con. Chẳng bao giờ tôi quên hai lần vược cạn, tôi chỉ có một mình và nằm suốt đêm. Khóc cho sự lỡ lầm ngu dại không thể tha thứ được của mình. Tôi nghĩ đến Bố tôi. Ôi, tôi có lỗi với ông biết bao nhiêu. Tôi chỉ có lỗi với Bố tôi mà thôi.

Ly Cơ, Bảo Linh, vú Chính và tôi ra bến xe đò Minh Trung trở lại Đà Lạt bởi lúc đó tiền lương của tôi là 75.000. Đủ sức để khỏi phải mẹ con mỗi người một nơi. Lương của Minh bao nhiêu, tôi không biết. Anh làm cho USAID dưới quyền ông Lâm Quang tại Tuy Hòa và rất ít khi về nhà. Có vú Chính, tôi giao con và sống trở lại như thời con gái. Ở lại phòng trà ngủ với mấy chi vũ nữ hoặc leo lên đồi cù nằm nhìn Trời Đất. Tôi vẫn chưa ý

thức được một cách nghiêm chỉnh, bổn phận của một người mẹ. Tôi vẫn chưa đủ tình yêu đúng nghĩa dành cho các con. Tôi còn quá trẻ. Tôi đã biết gì về cuộc sống quanh tôi. Tôi yêu tôi và chưa kịp sống cho tôi. Không có gì cho tôi. Không phải là lỗi của Minh trong cơn say rượu. Chỉ khổ một cái là người tôi yêu không phải là Minh. Chưa rõ ràng là ai, tôi chưa biết yêu...Mãi nhiều năm sau, tôi mới biết thế nào là tình yêu.

Điều không thể thay đổi, chổi cũi là tôi yêu hát. Từ ngày đó, tôi đã tự nhủ dầu có phải đánh đổi hết để chỉ được hát, tôi cũng không ngần ngại và Đà Lạt quả là nơi tuyệt vời để hát những nhạc phẩm của nhạc sĩ Đoàn Chuẩn, Đặng Thế Phong, Nguyễn Văn Khánh. Đồng hay vắng không hề ảnh hưởng đến tôi. Thế giới của tôi chỉ có riêng tôi. Tôi hạnh phúc, tôi đau đớn sống với tôn giáo của mình. Những ngày nắng nhẹ nhàng. Những đêm mưa dịu dàng. Những bình minh rực rỡ. Những hoàng hôn cô lẻ. Đâu có ai để ý. Chỉ riêng mình tôi lặng lẽ trên con dốc dài, bên dòng suối nhỏ, giữa bao la hoang dại, cố gắng hít cho đầy buồng phổi của mình hương thơm của đất trời hoa cỏ. Tôi yêu tôi - tôi yêu tình yêu của tôi, một tình yêu chưa giành cho riêng ai. Tôi thực sự dồn hết tình yêu vào những ca khúc mỗi đêm tôi hát với nỗi buồn. Nói là buồn bởi tôi chưa bao giờ được vui. Tôi hình như cũng là một đứa con không được mong đợi. Một sự thất bại của mẹ tôi. Thường thì một người đàn bà đẹp khó có thể chịu đựng một đứa con xấu. Tôi giống Bố. Lại thêm một lý do để mẹ luôn luôn bỏ quên tôi, tuy nhiên điều mẹ không hài lòng lại chính là điều làm cho tôi hạnh diện. Nó là nguồn ai ủi giúp tôi chống đỡ với bao điều tủi cực trong đời sống.

Có biết bao người không đẹp và nghèo nhưng cả hai đều không phải là một cái tội. Nghĩ thế nên tôi không hề thất vọng khi Đạt quên tôi, song tôi tiếc Hải vì đã nghĩ đến Hải rất nhiều mà nếu Hải không đi xa, chắc tôi đã biết thế nào là tình yêu. Có thể tôi sẽ có hạnh phúc, cũng có thể không nhưng ít ra, tôi không đến nỗi phải ân hận. Một lần Bảo Linh hỏi tôi...Mẹ có yêu ba không...Tôi trả lời không cần suy nghĩ. Không. Thật tàn nhẫn nhưng rất thật thà vì Minh không bao giờ có trong ý nghĩ của tôi.

Tôi bắt đầu biết hút thuốc là từ năm 16 tuổi khi ở chung với chị của Minh là chị Lê Quyên, người đóng vai chính trong phim "Nước mắt đêm xuân" của anh Nguyễn Long. Chị hút và thường bảo tôi...châm tao điếu thuốc mi...[gia đình Minh gốc Huế] riết rồi tôi hút thuốc lá hồi nào không hay. 1964 Hải từ Mỹ về và qua Thái Lan học thêm về loại máy bay A-6. Chị Quyên rủ tôi lên Pleiku chơi và tình cờ, tôi gặp lại Hải. Chúng tôi nhìn và chào nhau như 2 người bạn. Hải ngồi với bè bạn. Vũ Trường Phương Hoàng hình như là nơi giải trí duy nhất cho các chàng Không Quân hào hoa bay bướm nơi thị trấn đìu hiu đó. Chúng tôi nhảy với nhau một bài. Hải bảo anh đi với người yêu. Trước khi bài hát chấm dứt, Hải nói...Sáng mai anh bay đùm cho một người, chờ anh về anh đưa em đi coi Biển Hồ...Tôi cho anh biết nơi tôi ở và chúng tôi chia tay. Tôi về trước. Giọng Hải đầy rượu, tiếng cười của anh vang lên trong cái khuya vắng của Vũ Trường.

Tôi không nhớ là mấy giờ vì đang say ngủ. Tiếng đập cửa rầm rầm làm tôi hốt hoảng. Hải la lớn...Mai, Mai anh đây, Hải đây...Tôi vội vàng chạy ra mở cửa phòng, Hải loạng choạng bước vào, anh ôm hai vai tôi và nói...Mai chờ anh, xong phi vụ anh sẽ đưa em đi Biển Hồ...Tôi chưa kịp hỏi, Hải đã đổ ập người xuống giường, ngủ. Tôi chui vào mền nằm ghé bên anh, tôi cố đẩy anh đắp mền cho anh nhưng đành chịu. Hải nằm úp mặt trên tấm khăn phủ giường. Tôi trở lại giấc ngủ dở dang, 6 giờ sáng thứ dậy, Hải không còn nằm đó nữa. Khoảng 2 tiếng sau, tôi chợt nghe một tiếng nổ lớn không biết xuất phát từ đâu và sau đó, tôi được tin anh đã chết.

Trên chiếc phi cơ đưa xác Hải về Sài Gòn, chỉ có một mình tôi ngồi bên quan tài của anh. Tôi đau đớn nhưng không khóc được. Không một giọt nước mắt nào rơi ra khỏi đôi mắt của tôi. Điều làm tôi xót xa hơn nữa là bạn bè và gia đình Hải quy tất cả trách nhiệm vào tôi. Tôi không nói được gì. Tôi không muốn nói. Tính tôi vốn vậy. Lặng lẽ tôi quay lưng đi trước những cái nhìn căm giận và oán của mọi người... Nhiều năm về sau, rất nhiều năm về sau, tôi nhận được một bức hình do chính thân phụ Lê Nguyên Hải gửi cho tôi với hàng chữ cũ viết sau tấm ảnh... Gửi cô Khánh Ly thay mặt cố nhân Lê Nguyên Hải. Lúc đó, tôi khóc. Ôi, sao hạnh phúc bao giờ cũng đến với tôi quá trễ...

8.

Hải chết...đó là cái chết đau thương ghi đậm nét trong đời tôi. Không phải nỗi đau đớn của người vợ mất chồng bởi chúng tôi chưa hề có với nhau những chia xẻ vợ chồng ngoài nụ hôn thơ dại, vụng về đã thuộc về ngày xưa. Sau khi bỏ được, Hải gia nhập binh chủng không quân, chúng tôi ít có dịp gặp nhau. Nụ hôn phớt nhẹ và lời nói...anh sẽ cưới em... cũng nhạt phai dần. Rồi tôi trót dại lỡ lầm, các bạn tôi, trong đó có Hải vẫn không nhìn tôi khác đi. Hải và anh chàng Nam Ngổ - cũng không quân- thường lấy trộm ở nhà mang đến cho

tôi lúc thì nửa chai nước mắm, lúc thì túi gạo. Thấy tôi sống vất vưởng cô đơn trong căn phòng gỗ nhỏ hẹp trên dòng kinh nước đen, không chần màn, bàn ghế, đêm đêm đo hát ở Đại Nam, lúc được hát, lúc bị bỏ quên ngồi chờ cho tới khi hết giờ, lui thủ đi xích lô về. Bạn bè thương lắm nhưng lúc đó các bạn tôi ai cũng còn đang đi học, ăn bám bố mẹ. Chia cho nhau chút cháo như thế là hiếm quý lắm rồi...cho nên, khi Hải chết tôi thương xót Hải như một người thân yêu trong chính gia đình cũng chẳng có ai hạch hỏi gì, mà nếu có hỏi, tôi cũng có biết lý do vì sao sự việc đau thương ấy xảy ra. Tôi không làm gì và không biết gì. Hoàn toàn không. Tôi chịu tiếng oan bao nhiêu năm trời và chính vì thế, tôi đã khóc khi thân phụ Hải gửi cho tôi tấm ảnh của anh. Tôi chưa bao giờ quên anh. : Lê Nguyễn Hải

Lúc đó, trước 1962, tôi đã được dịp biết nhà văn Nguyễn Đình Toàn. Ông có vẻ hài lòng khi đàn cho tôi hát. Ông Nguyễn Đình Toàn dạy tôi ngâm thơ và đưa tôi vào ban Tao Đàn của nhà thơ Đình Hùng. Tôi thật hèn kém, nhỏ bé bên cạnh Bà Hồ Diệp, ông Nguyễn Thanh - người đã vượt sông Bến Hải vào Nam - nhưng ai cũng yêu thương tận tâm chỉ bảo cho tôi. Thời đó được đứng cạnh những tên tuổi lẫy lừng ấy cũng tựa như chuyện nằm mơ, chuyện thần thoại. Chính quyền thời nào cũng ơ hờ với sinh hoạt văn nghệ, nên nếu có người đã từng nói...nhà văn Việt Nam khổ như chó...tôi thấy không có gì quá đáng. Những người thành danh, tên tuổi đã đi vào văn học sử mà còn khổ thì tôi, chúng tôi, những đứa mới tập tễnh vào nghề làm sao áo ấm, cơm no. Qua ông Nguyễn Đình Toàn, tôi được biết thêm rất nhiều người. Được trở thành nhân vật Bé Mai trong gia đình Bé Ngôn Bé Luận của Nhật Báo Ngôn Luận, rồi cũng tập tành viết lách lăng nhăng vớ vẩn, ấy thế mà cũng được cho đăng. Dĩ nhiên tất cả những công việc này đều không mang lại cho tôi một đồng bạc nào, vậy mà tôi cảm thấy rất sung sướng đến chẳng cần biết ngày mai mình còn tiền ăn cơm, trả tiền căn phòng nhỏ hẹp trên kinh nước đen trước chợ Đakao nữa không.

Lúc rời nhà hàng Anh Vũ - bị đóng cửa - tôi may mò xin được hát ở phòng trà Hoà Bình nằm ở góc đường Lê Lợi gần ga xe lửa, ngõ xéo qua là chợ Bến Thành. Tiền bạc cũng chẳng có bao nhiêu. Chủ phòng trà cho thế nào, nhận thế ấy, nên nghèo chưa từng thấy, nghèo gì mà nghèo dữ vậy. May một cái áo cũng là chuyện không tưởng. Ông Nguyễn Long quay phim "Nước Mắt Đêm Xuân" có tôi xuất hiện hai cảnh, cũng không tiền. Phải dành dụm, vay mượn may được cái váy đen cài trước ngực một bông hồng trắng, còn ngay cả quần áo đi hát cũng chấp vế. Hai vạt áo dài may lại cũng được một chiếc váy gọi là jupe serre. Toàn bộ là đầu thừa đuôi thẹo từ quần áo chị Yến, của mẹ tôi bỏ đi mà anh Sơn tôi rất khéo tay may lại cho tôi. Từ Hoà Bình, tôi may mò xin được hát ở khiêu vũ trường Đại Nam. Hàng đêm tôi đến sớm để nếu ca sĩ nổi tiếng chưa đến hoặc không có ai, may ra tôi sẽ được cho hát. Từ ông Nguyễn Đình Toàn, tôi gặp được nhạc sĩ Y Vân và hát cho ông nghe. Nhạc sĩ Y Vân vừa sáng tác xong bài Ngăn Cách, ông dạy và đưa cho tôi nhưng có một đêm ở Đại Nam, khi được hát, tôi đưa bài Ngăn Cách cho ông Lê Văn Thiện, lúc đó là trưởng ban nhạc, ông Thiện cầm xem rồi liệng cái xạch...bài gì mà cãi lương...tôi đâu dám có phản ứng gì. Thật tôi cho tôi chẳng có duyên với bài hát ấy. Về sau khi chị Minh Hiếu hát, bài Ngăn Cách lập tức nổi tiến cho đến bây giờ.

Hàng đêm, tôi ngồi một góc lên nhìn chị Trúc Mai đẹp, sang như một mệnh phụ. Chị Kim Chi đẹp như...đằm. Hai chị ngồi với nhau, chủ, khách và bồi bàn rối rít xúm quanh hầu hạ. Ngàn đời sau, tôi không bao giờ quên cái hành động sang cả của chị Trúc Mai khi ăn xong một trái nhãn, chị nhẹ nhàng dùng ché khăn bàn lau mấy ngón tay, mặt vẫn ngẩng cao, mắt nhìn thẳng và rất nghiêm. Tôi cứ ngồi chiêm ngưỡng các bậc đàn chị như thế đêm này qua đêm khác. Không ganh tỵ - không dâm - không mơ ước để rồi đêm về lại căn nhà sàn, nằm khóc một mình. Điều đặc biệt là các chị chưa bao giờ tỏ ý xem rẻ tôi, trái lại đôi khi trong những lời hỏi thăm, tôi cảm thấy được sự thương cảm, tôi nghiệp khiến tôi ấm lòng và giữ mãi sự kính trọng cho đến bây giờ. Cái lần đáng nhớ là một đêm chị Minh Hiếu bảo tôi đến nhà hàng Tự Do hát thế cho chị. Tôi mừng lắm vì Tự Do là một nhà hàng lớn nổi tiếng nằm trên đường Tự Do. Sửa soạn tương đối tươm tất dù lúc đó tôi chưa biết dùng phấn son, tôi đến sớm và nhận được lời ông chủ Ngô Văn Cường truyền ra... ca sĩ tôi nghĩ thì để ban nhạc hòa tấu, nhà hàng tôi không để cho những người vô danh làm mất uy tín... Tôi lóc cóc trở về cái nhà sàn một mình quạnh hiu, lòng đầy tuyệt vọng nhưng không hề giận dữ, oán trách. Giận ai, trách ai bây giờ. Đó là cuộc đời. Đó là cuộc sống tôi tự lựa chọn cho mình và lao vào bất chấp mọi gian nan khổ khó, hết như một con thiêu thân biết là lao vào lửa sẽ chết nhưng nó vẫn cứ bằng lòng với số phận dành cho nó. Gần như một hành động... tử vì đạo. Bây giờ, 44 năm sau, tôi thấy cái sự việc... âm nhạc cũng như là một thứ tôn giáo của tôi... không phải là quá đáng.

Sự sống ngày càng không dễ dàng. Không thể xin được gì ở gia đình. Không thể trông mong vào bạn bè. Không chờ mong những cánh cửa, những sân khấu mở ra dành cho mình một chỗ đứng đầu nhỏ nhoi khiêm tốn. Con gái đầu lòng, tôi gửi cụ Nội trông nom. Người gọi là chồng thì lúc gặp lúc không. Trong cơn tuyệt

vọng thì bỗng đâu một người, một sự cố xảy ra mở đầu cho những may mắn chiếu cố đến tôi. Có lẽ vì lòng tôi tha thiết với nghiệp dĩ ấy chẳng hay tôi được sinh ra chỉ để làm được một việc duy nhất là hát, đúng như mơ ước của tôi. Một định mệnh đã được báo trước với tiếng đàn, tiếng hát của Bố tôi qua những bài hát đẹp để nhưng đầy những gẫy đổ và chia lìa. Ngẫm cho cùng, có gì trọn vẹn, đầy đặn được mãi trong cuộc sống. Gãy đổ hay chia lìa, âu cũng là luật bù trừ của Thượng Đế.

Một phòng trà ở Đà Lạt cần ca sĩ. Bà chủ xưởng Saigon rồi tôi để con lại và ra đi. Chẳng từ giả ai. Chẳng có ai để từ giả. Chẳng có ai để ý đến mình. Con đã có cụ Nội. Tôi rời Saigon như thế vào một ngày tháng 11 năm 1962. Tiền lương tuy ít nhưng có thể kéo tôi ra khỏi tình trạng tuyệt vọng bởi những âu lo sinh sống giữa một nơi chốn tuy rộng lớn nhưng lại chẳng có chỗ nào cho tôi. Nghiệp dĩ ca hát chưa được xã hội quan tâm hay coi trọng. Số ca sĩ có thể đếm trên đầu ngón tay song không có cơ may nào cho mình chen chân. Có một lần, nhạc sĩ Nguyễn Hữu Thiết đi cùng mấy ông nhà báo nào đó đến gặp tôi ở ngõ 20. Ông bảo...em muốn nổi tiếng thì phải đi với mấy anh. Phải có mấy anh giới thiệu mới được...Tôi không hiểu ông muốn nói gì nhưng thường những đưa mồi, khôn khéo, lại khôn rất sớm. Tôi không hề nghi ngờ cái thiện chí của mấy ông nhưng linh tính mách bảo rằng con đường được hứa hẹn đó sẽ chẳng đưa tới đâu. Tôi yêu hát, chỉ muốn được hát, đủ sống để được hát chứ không hề nghĩ có ngày được gọi là ca sĩ hay sẽ nổi tiếng như các chị Trúc Mai, Kim Chi, Thanh Thúy hay Minh Hiếu.

Gia đình bên nội của con tôi lập nghiệp ở Đà Lạt thế cho nên dù sao đi nữa, tôi cũng phải ra mắt nhưng tôi vẫn ở trong căn lầu trên của nhà hàng. Chỉ thỉnh thoảng mới về cho đến năm 1963, tôi trở lại Saigon và sanh đưa con thứ hai. Từ nhà cụ Nội tôi tự gọi taxi đi đến nhà thương Duy Tân. Ấy, phải coi là mình đã có gia đình thì chuyện có con cũng bình thường như người ta ăn cơm, uống nước vậy. Đó là ngày 4 tháng 10 năm 1963. Thế là mới 18 tuổi đầu, tôi đã có hai đứa con. Một trai, một gái. Sau đó, tôi thực sự là một thành viên trong nhà họ Trần, bắt đầu học Giáo Lý với Linh Mục Thạch mỗi chiều tại nhà thờ Chánh tòa Đà Lạt và làm phép hôn phối tại đây, với một ít người quen. Gia đình tôi chỉ có một đứa em nhỏ. Mẹ và Bố dưỡng tôi không có mặt, cũng chẳng có một tí quà, một lời nhắn nhủ vui mừng nào.

Không yêu mà cứ thành vợ chồng. Gặp nhau đôi lúc có như không. Chẳng bao giờ nhớ thương mong ngóng. Ai muốn đi đâu cứ đi. Khi nào về, cứ về. Gia đình bên Nội mấy đứa nhỏ cũng chẳng mấy khi dòm ngó đến mấy mẹ con tôi ở dưới nhà và tôi, cũng có thương con đấy nhưng chưa đủ thấm thiết, đằm đuối như người khác bởi lẽ, tôi còn nhỏ quá, tôi cũng chỉ là một đứa trẻ, chưa biết nhiều điều trong đời sống, không ham muốn chuyện vợ chồng. Sống lặng lẽ thụ động giữa những người không hề có chút quan tâm nào đến mình. Tôi thì lại rất nhạy cảm, rất dễ tủi thân, rất mong mỗi mơ ước được yêu thương, cái điều này phát sinh từ ngày mất đi người cha tôi tôn thờ cùng với chuỗi ngày sống đầy mặc cảm buồn tủi chờ đợi một tiếng âu yếm của mẹ. Tiếng nói ấy không có. Không bao giờ có được nữa trên đôi môi của Mẹ tôi.

Cái năm 64 là một năm thật lạ lùng. Lắm chuyện lạ lùng có những vui buồn, tủi nhục, có dấu hiệu may mắn mà tôi không để ý - Phải mãi về sau này, nỗi nghĩ lại, tôi mới thấy được, mới cảm nhận được sự sắp đặt của Thiên Chúa...Tiền lương của tôi đã được nâng cao lên 75.000 một tháng. Tôi đã xin cụ Nội đón con gái sau khi có thêm đứa con trai. Ba mẹ con được đón nhận, nhìn nhận sau rửa tội và làm lễ cưới ở nhà thờ. Có chỗ ăn ở đàng hoàng. Gia đình tôi không còn sợ mang tiếng con không chồng mà chữa. Mọi người đều cảm nhận thế, chỉ riêng tôi là không. Tôi chẳng cảm thấy có gì vui mừng vì dấu thế nào, tôi cũng luôn luôn là tôi. Tôi một mình. Những điều người ta mừng cho tôi lại chính là những điều tôi không màng tới. Hoàn cảnh đưa đẩy tôi trong lúc tôi bơ vơ không nơi nương tựa. Khi đã...liều mất đứa con, thì là cùng đường, là không có sự lựa chọn. Gặp nghênh trắc trở, đổ vỡ là chuyện không thể tránh. Nó cứ từ từ tan ra trong sự không chung thủy của cả hai người. Công khai không dấu diếm, né tránh dấu cái sự không chung thủy của tôi chưa cao đến mức độ bị lên án nhưng với một ly nước đã quá đầy, giọt nước ân huệ cuối cùng dẫu từ bên nào, cũng đủ sức làm tràn. Tôi không hề hối hận với sự chia tay từ từ, kéo dài tới ba năm. Rất nhiều năm sau, khi con trai đã có gia đình hỏi...mẹ có yêu bố con không...Không... câu trả lời bật ra nhanh như nó đã nằm sẵn đâu đó mà từ lâu lắm rồi tôi không để ý. Đó là một lỗi lầm thời thơ ấu và tôi đã phải trả giá không rẻ. Nhưng dẫu sao, tôi cũng có được hai đứa con.

Tình cảm tôi dành cho Hải là thứ tình cảm thơ dại, nhẹ nhàng. Tình cảm tôi dành cho ông Lưu Kim Cương là thứ tình cảm phát xuất từ lòng biết ơn. Cả hai đều rất trân trọng đối với tôi trong suốt cuộc đời. Hình ảnh những người hùng binh chủng không quân, trước hoặc sau một phi vụ, ghé ngang thành phố Đà Lạt, cùng nhìn và nghe tôi hát một bài, rồi lặng lẽ ra đi đã để lại trong lòng tôi một an ủi, ấm áp không thể quên được,

nhất là lời ông Lưu Kim Cương dặn dò...”Đừng bao giờ làm mất nụ cười. Nó sẽ mở cho em cánh cửa tốt đi vào cuộc đời...”